



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU PHƯỚC HÒA

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2011**



MỤC LỤC

Công ty cổ phần cao su Phước Hòa Quá trình xây dựng và phát triển	01
Tổng quan về công ty cổ phần cao su Phước Hòa	01
Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	01
Lịch sử hình thành	01
Ngành nghề kinh doanh	02
Giới thiệu về công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà	02
Những danh hiệu công ty đạt được trong thời gian qua	03
Thông điệp của Hội đồng quản trị	04
Báo cáo của Ban tổng giám đốc	06
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	14
Báo cáo của Ban kiểm soát	45
Cơ cấu tổ chức Công ty	50
Cơ cấu cổ đông Công ty	50
Hội đồng quản trị, Ban Giám Đốc, Ban Kiểm Soát, Kế Toán Trưởng	51
Các đơn vị trực thuộc công ty	55
Các dự án đầu tư của công ty	56

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU PHƯỚC HÒA

“Quá trình xây dựng và phát triển”

Phần I. Tổng quan về Công ty cổ phần cao su Phước Hòa

1. Lịch sử hình thành & Những sự kiện quan trọng.

Tiền thân của Công ty là đồn điền cao su Phước Hòa, sau ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng, đổi tên thành Nông trường Cao su Quốc Doanh Phước Hòa.

Năm 1982, Công ty Cao su Phước Hòa được Tổng cục Cao su Việt Nam thành lập và đến năm 1993, Công ty Cao su Phước Hòa được thành lập lại theo quyết định số 142NN/QĐ ngày 04/03/1993 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & Công nghiệp thực phẩm (nay là Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn), là doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

Từ năm 1993 – 2008, Công ty Cao su Phước Hòa hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 100966 do Sở Kế hoạch – Đầu tư tỉnh Sông Bé cấp ngày 27 tháng 03 năm 1993 và thay đổi lần thứ hai vào ngày 29 tháng 11 năm 2004 do Sở Kế hoạch – Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Ngày 12 tháng 12 năm 2007, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn ban hành quyết định số 399/QĐ-BNN-ĐMDN về việc tiến hành cổ phần hóa Công ty cao su Phước Hòa theo Nghị định 187/2004/NĐ-CP ngày 16.11.2004 của Chính phủ về việc chuyển công ty Nhà nước thành công ty cổ phần, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối trên 50% vốn điều lệ.

Ngày 26 tháng 11 năm 2007, Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam ban hành quyết định số 1194/QĐ-CSVN về việc phê duyệt phương án và chuyển công ty cao su Phước Hòa thành công ty cổ phần.

Ngày 28 tháng 02 năm 2008, Công ty cao su Phước Hòa tiến hành Đại hội cổ đông thành lập công ty cổ phần cao su Phước Hòa.

Ngày 14 tháng 05 năm 2009, công ty cổ phần cao su Phước Hòa nộp hồ sơ niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán TP HCM.

Ngày 24 tháng 06 năm 2009, sở giao dịch chứng khoán TP HCM ban hành công văn số 1167/SGDHCM-NY về việc chấp thuận nguyên tắc cho công ty cổ phần cao su Phước Hòa niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán TP HCM.

Ngày 04 tháng 08 năm 2009, sở giao dịch chứng khoán TP HCM ban hành quyết định số 87/QĐ-SGDHCM về việc niêm yết cổ phiếu công ty cổ phần cao su Phước Hòa tại sở giao dịch chứng khoán TP HCM với mã chứng khoán là PHR.

Ngày 18 tháng 08 năm 2009, công ty cổ phần cao su Phước Hòa chính thức niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán TP HCM.

Hiện nay, Công ty cổ phần Cao su Phước Hòa hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000509 do Sở Kế hoạch – Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 03 tháng 03 năm 2008.

2. Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000509 do Sở Kế hoạch – Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 03 tháng 03 năm 2008, Công ty cổ phần Cao su Phước Hòa hoạt động chính trong những lĩnh vực sau:

- Trồng cây cao su;
- Khai thác, chế biến mủ cao su;
- Bán lẻ xăng dầu;
- Mua bán gỗ cao su;
- Chế biến gỗ cao su;
- Thi công xây dựng và sửa chữa cầu đường, công trình giao thông;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu dân cư. Kinh doanh địa ốc, kinh doanh phát triển nhà và các công trình dịch vụ du lịch khu công nghiệp;
- Đầu tư tài chính.

3. Giới thiệu về Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà

- Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU PHƯỚC HÒA**
- Tên tiếng Anh: **PHUOC HOA RUBBER JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **PHURUCO**



- Logo:
- Trụ sở : Xã Phước Hòa, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương
- Điện thoại : 84 - 0650 – 3 657106
- Fax: 84 – 0650 – 3 657110
- Website: www.phuruco.vn; www.phuochoa.com.vn
- Email: phuochoarubber@hcm.vnn.vn
- Giấy phép kinh doanh: Số 4603000509 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 03/03/2008.

- Vốn điều lệ: 813.000.000.000 đồng (tương đương 81.300.000 cổ phần)

4. Những danh hiệu Công ty Cao su Phước Hoà đạt được trong thời gian qua

- “**Anh Hùng Lao Động**” thời kỳ đổi mới năm 2005;
- “**Huân chương Độc Lập**” hạng 2 & 3;
- “**Huân Chương Lao Động**” hạng 1 & 2 & 3;
- Giải thưởng “**Sao Vàng Quốc Tế**” năm 1996;
- Giải thưởng “**Sao Vàng Đất Việt**” năm 2008;
- Bằng khen của **Bộ Thương mại về thành tích xuất khẩu** năm 2004, 2005, 2006, 2007;
- 5 lần nhận cờ thi đua của Chính Phủ tặng;
- Bộ Công Thương Việt Nam bình chọn doanh nghiệp xuất khẩu uy tín 7 năm liền 2005-2011
- **Đoạt Cúp vàng ISO – Chia khóa hội nhập**, do Bộ Khoa Học Công Nghệ trao;
- 8 sản phẩm chính đạt tiêu chuẩn hàng nông lâm sản Việt Nam chất lượng cao và uy tín thương mại năm 2007, do Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn trao giải
- Giải thưởng “**Doanh nghiệp Hội Nhập và Phát Triển**” năm 2008;
- Giải Bạc “**Chất lượng quốc gia năm 2009**” do Thủ tướng chính phủ trao.



Danh hiệu Anh hùng lao động



Cúp vàng
ISO 2007



Chứng nhận “Giải Bạc chất lượng
quốc gia năm 2009”

Phần II. Thông điệp của Hội đồng quản trị.

Năm 2011, Kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến đầy khó khăn, với một loạt thách thức như động đất và sóng thần ở Nhật, khủng hoảng nợ công nghiêm trọng tại khu vực đồng tiền chung châu Âu; sức phục hồi yếu ớt của nền kinh tế Mỹ; đà tăng chậm lại của các nền kinh tế như Trung Quốc, Ấn Độ; tỷ lệ thất nghiệp, lạm phát cao; tình hình bất ổn chính trị tại các nước châu Phi và thiên tai,... đã tác động bất lợi đến kinh tế nước ta.

Bên cạnh đó, kinh tế Việt Nam trong bối cảnh lạm phát tăng vọt (18,58%), đầu tư công kém hiệu quả và một số Tập đoàn, đơn vị kinh tế đầu tư dàn trải, sử dụng vốn không hiệu quả,... đã dẫn đến quyết định của Chính phủ về việc thực hiện chính sách tiền tệ chặt chẽ, chính sách tài khóa thắt chặt, cắt giảm đầu tư công, kiểm chế nhập siêu,..., đồng thời lãi suất tăng cao đã gây không ít khó khăn cho các doanh nghiệp.

Trong bối cảnh khó khăn chung đó, năm 2011, Ngành nông nghiệp Việt Nam nói chung, ngành cao su nói riêng vẫn đạt được những thắng lợi to lớn. Nhờ giá bán tăng cùng sự tăng trưởng sản lượng, kim ngạch xuất khẩu cao su của Việt nam đạt 3,2 tỷ USD, cao nhất từ trước đến nay.

Riêng công ty CP cao su Phước Hòa, năm 2011 có những khó khăn như đầu mùa cạo vườn cây bị phấn trắng 100% diện tích, trong mùa mưa gió lốc làm gãy đổ 24.455 cây cao su; tình hình trộm cắp mù xảy ra khá nhiều đã làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh công ty. Tuy nhiên với sự lãnh đạo của HĐQT, Ban tổng giám đốc cùng với sự nỗ lực và quyết tâm của tập thể CBCNV công ty đã góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm 2011.

Năm 2011 công ty khai thác được 20.807,826 tấn mù qui khô, đạt 104% kế hoạch năm; năng suất vườn cây bình quân tiếp tục đạt 2,01 tấn/ha (6 năm liền). Các nông trường đều hoàn thành và vượt kế hoạch công ty giao, trong đó vượt sản lượng cao nhất là Nông trường Bó Lá (110,41%), Nhà Nai (108,06%) và Lai Uyên (107,52%). Ngoài ra, công ty đã tổ chức tốt việc thu mua 8.241,87 tấn mù qui khô từ vườn cây khoán và vườn cây tư nhân trên địa bàn. Trong năm chế biến được 28,552 tấn mù thành phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

Năm 2011, công ty đã tiến hành tiêu thụ được 25.733,508 tấn thành phẩm, với giá bán bình quân đạt 94,49 triệu đồng/tấn tăng 48,87% so với năm 2010, trong đó sản phẩm từ vườn cây công ty là 17.063 tấn. Tổng doanh thu công ty mẹ đạt 2.460 tỷ đồng, trong đó, doanh thu xuất khẩu đã đạt 64,33 triệu USD, lợi nhuận sau thuế công ty mẹ đạt 825,23 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 826,57 tỷ đồng. Từ hiệu quả sản xuất kinh doanh, công ty đã chăm lo tốt đời sống người lao động với lương bình quân 9,5 triệu đồng/người/tháng, đồng thời đã nộp ngân sách cho Nhà nước 288 tỷ đồng. Hội đồng quản trị đã quyết định trình đại hội cổ đông quyết định chi trả cổ tức cả năm 2011 với mức 30%/mệnh giá.

Bước vào năm 2012, tình hình kinh tế thế giới vẫn còn nhiều bất ổn, nền kinh tế trong nước vẫn có nhiều khó khăn, đặc biệt là tình hình lạm phát tuy bước đầu có chiều hướng giảm nhưng chưa kiểm soát được cơ bản và lãi suất ngân hàng vẫn còn khá cao đã tác động mạnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, dự báo giá bán cao su 2012 thấp, trong khi năm 2011 với doanh thu, lợi nhuận, tiền lương rất cao đã tạo ra áp lực đối với ban điều hành công ty. Ngoài ra, thời tiết có khả năng diễn biến thất thường cùng việc phải thanh lý hơn 500 ha để trồng tái canh cũng ảnh hưởng đến sản lượng khai thác, doanh thu và lợi nhuận của công ty.

Từ đó, trong năm 2012, dựa trên kế hoạch chung của Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam, Hội đồng quản trị đã xây dựng kế hoạch sản xuất 19.500 tấn, tiêu thụ 27.500 tấn (trong đó thu mua 6.000 tấn) với dự kiến giá bán 67 triệu đồng/tấn và giá thành tiêu thụ bình quân 48 triệu đồng/tấn, tổng doanh thu đạt 2.042 tỷ đồng và 386 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế. Dự kiến tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2012 trình Đại hội cổ đông quyết định là 30% mệnh giá. Để thực hiện tốt các mục tiêu đã đề ra, cần thực hiện các giải pháp sau:

- + Tập trung nghiên cứu và thực hiện tốt các giải pháp kỹ thuật trong khai thác và chế biến để cố gắng duy trì năng suất vườn cây (2 tấn/ha), đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm với cơ cấu trên 50% là sản phẩm mủ SVR CV, phù hợp công suất nhà máy công ty; Tăng cường quản lý kỹ thuật vườn cây khai thác, làm máng chắn mưa kịp thời, bôi thuốc kích thích phù hợp tuổi cây và tổ chức tốt việc bón lấp phân.

- + Chuẩn bị đất, cây giống, phân bón thật tốt để trồng tái canh kịp thời 583,39 ha, bảo đảm tỷ lệ sống 100% từ 4 tầng lá trở lên, thâm canh chăm sóc 3.667,61 ha vườn cây KTCB để sớm đưa vào khai thác;

- + Tăng cường quản lý và đầu tư hiệu quả các dự án Công ty tham gia góp vốn, đặc biệt là các dự án trồng cao su tại Campuchia và Đăklăk;

- + Tổ chức quản lý chặt chẽ công tác thu mua mủ nguyên liệu, điều chỉnh giá mủ thu mua linh động và kịp thời, đảm bảo thu mua được nhiều sản lượng, kiểm soát tốt chất lượng mủ thu mua từ vườn cây tư nhân và hộ khoán, đáp ứng đủ sản lượng cung cấp cho thị trường.

- + Chủ động thanh lý cao su rải vụ trong năm nhằm vừa tận thu được sản lượng mủ, đồng thời tranh thủ được giá bán cây cao su tốt nhất nhằm nâng cao doanh thu và lợi nhuận;

- + Phối hợp các địa phương để thực hiện tốt công tác kiểm tra, bảo vệ để hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng thất thoát mủ cao su khai thác;

Với sự đoàn kết và quyết tâm của tập thể cán bộ công nhân viên, nhất định công ty sẽ hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch mà đại hội cổ đông đề ra, góp phần nâng cao thương hiệu và hình ảnh của Cao su Phước Hòa trên thị trường.

Phần III. Báo cáo của Ban tổng giám đốc

1. Công tác sản xuất kinh doanh.

Năm 2011 Công ty chỉ đạo các đơn vị thực hiện tốt công tác tổ chức quản lý ngay từ đầu năm, tận thu tốt sản lượng trong quý I trước khi cây rụng lá, đồng thời chuẩn bị tốt vật tư khai thác. Vào đầu vụ, triển khai làm máng chắn mưa kịp thời, chỉ đạo bón phân đầu mùa mưa khi đất đủ độ ẩm, tổ chức tốt việc bón phân 3 lần trên toàn bộ vườn cây khai thác và vườn cây KTCB. Xác định chế độ cạo thích hợp cho từng vườn cây, sử dụng thuốc kích thích mù phù hợp từng miệng cạo. Tuân thủ quy trình kỹ thuật của Tập đoàn, thực hiện các biện pháp quản lý để tận thu sản lượng tăng năng suất; có chế độ cạo tận thu phù hợp đối với vườn cây thanh lý. Duy trì tốt việc kiểm tra tay nghề kỹ thuật của công nhân hàng tháng, nhờ vậy tay nghề công nhân luôn ổn định.

Phối hợp với Công đoàn công ty phát động các phong trào thi đua rèn luyện tay nghề, nâng cao năng suất, sản lượng, chất lượng, đồng thời vận động công nhân đăng ký làm việc ngày chủ nhật từ đầu tháng 6. Vào đầu quý 4, đã phát động phong trào thi đua nước rút và đến ngày 24/12 công ty đã hoàn thành kế hoạch sản lượng năm.

Từ đó, trong năm công ty khai thác được 20.807,826 tấn mù qui khô, đạt 104% kế hoạch năm; năng suất vườn cây bình quân tiếp tục đạt 2,01 tấn/ha (6 năm liền đạt năng suất trên 2 tấn/ha). Các nông trường đều hoàn thành và vượt kế hoạch công ty giao, trong đó vượt sản lượng cao nhất là Nông trường Bồ Lá (110,41%), Nhà Nai (108,06%) và Lai Uyên (107,52%). Ngoài ra, công ty đã tổ chức tốt việc thu mua 8.241,87 tấn mù qui khô từ vườn cây khoán và vườn cây trên địa bàn.

Trong năm chế biến được 28.552 tấn mù thành phẩm, cơ cấu sản phẩm gồm có:

STT	Chủng loại	Số lượng (tấn)	Tỉ lệ (%)
1	SVR CV 50, 60	15.673	54,89
2	Latex	2.827	9,90
3	SVR L, 3L, 5	4.015	14,06
4	SVR 10, 20	6.037	21,15
Tổng cộng		28.552	100,00

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO tiếp tục được duy trì, phát huy tốt trong hoạt động sản xuất, chất lượng sản phẩm ngày càng ổn định và nâng cao.

Công ty chủ động ký kết hợp đồng dài hạn và phương thức kinh doanh năng động nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất. Trong năm giao bán được 25.733,51 tấn thành phẩm, trong đó sản phẩm từ vườn cây công ty là 17.063 tấn. Cơ cấu tiêu thụ như sau:

Diễn giải	Số lượng (tấn)	Doanh thu trong năm		Đơn giá bq/tấn (đồng)
		Thành tiền (USD)	Thành tiền (đồng)	
Xuất khẩu trực tiếp	12.799,23	59.684.246	1.236.754.618.569	96.627.267
Ủy thác xuất khẩu	1.005,07	4.642.443	97.175.537.324	96.685.343
Nội tiêu	11.929,21		1.097.757.275.063	92.022.630
Cộng	25.733,51	64.326.689	2.431.687.430.956	94.494.977

Doanh thu thành phẩm đạt 2.431,69 tỷ đồng với giá bán bình quân 94,49 triệu đồng/tấn, trong đó doanh thu từ vườn cây công ty đạt 1.597 tỷ đồng. Ngoài ra, công ty tiêu thụ mù skim block, mù skim, mù hầm tận thu và mù bột (trong quá trình xử lý nước thải) thu được 20 tỷ đồng.

Qua hiệu quả sản xuất kinh doanh, năm 2011 tổng lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ đạt 825,23 tỷ đồng, đạt 176,97% so với kế hoạch đầu năm.

2. Công tác tài chính.

Thực hiện tốt các biện pháp quản lý giá thành sản phẩm, hạn chế những chi phí không cần thiết trong sản xuất và các mặt công tác khác nhằm tăng lợi nhuận trong sản xuất kinh doanh, tăng thu nhập cho người lao động. Tiêu thụ sản phẩm thuận lợi với giá bán tốt nên công ty luôn chủ động được nguồn tiền mặt chi trả lương kịp thời cho người lao động, tái đầu tư sản xuất và đầu tư cho các dự án.

Hoàn thành tốt nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước với tổng số tiền 288 tỷ đồng, chủ động và chi trả kịp thời cổ tức cho cổ đông. Trong năm 2011, công ty đã tạm ứng cổ tức đợt 1 với tỷ lệ 15%/mệnh giá, đại hội cổ đông thông qua quyết định chi trả cổ tức cả năm 2011 là 30%/mệnh giá.

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu cơ bản năm 2011 như sau:

S T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2010	KH 2011	Năm 2011	Tỷ lệ % 2011 so với 2010	Tỷ lệ % so với KH
01	Sản lượng khai thác	Tấn	21.616	20.000	20.808	96,26%	104,04%
02	Sản lượng thu mua	Tấn	10.845	6.000	8.241	75,99%	137,35%
03	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	31.006	26.000	25.734	83,00%	98,98%
04	Giá bán bình quân	tr.đ/ tấn	63,47	65	94,49	148,87%	145,37%
05	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.995	1.902	2.460	123,31%	129,34%
06	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	490	466,31	825,23	168,41%	176,97%
07	Tỷ suất LNST trên doanh thu	%	24,55		33,54	136,62%	
08	Tỷ suất LNST / tổng tài sản (ROA)	%	22,14		28,25	127,60%	
09	Tỷ suất LNST / vốn chủ sở hữu (ROE)	%	40,09		50,43	125,79%	
10	Thu nhập trên cổ phiếu (EPS)	đồng	6.114		10.380	169,77%	
11	Tỷ lệ chi trả cổ tức / VĐL	%	30	30	30	100,00%	100,00%
12	Giá trị sổ sách	đ/CP	15.279		20.718	135,60%	

(Nguồn số liệu: BCTC riêng năm 2011 công ty cổ phần cao su Phước Hòa)

Trong năm 2011, công ty đã tiến hành ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Phát Triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương nhằm giải ngân cho dự án trồng cao su tại Campuchia, với tổng số tiền 480 tỷ đồng, lãi suất 11,4%/năm. Dự kiến sẽ bắt đầu giải ngân vào quý 2 năm 2012.

3. Hoạt động đầu tư.

Đầu tư vườn cây tái canh và KTCB với tổng số tiền thực hiện là 58 tỷ đồng.

Hoàn thành trồng tái canh 635,23 ha, đến cuối năm tỉ lệ cây sống 4 tầng lá đạt 100%, trong đó cây đạt 5 tầng lá trở lên chiếm 64,9%.

Chỉ đạo thâm canh chăm sóc 3.055 ha vườn cây KTCB, qua kiểm tra đánh giá chất lượng sinh trưởng tốt, đồng đều, nhiều vườn cây đường vanh vượt từ 4cm đến 6cm. Qua quá trình chăm sóc, năm 2011 đã có 107,51 ha /392,32 ha (tỉ lệ 27,4%) đưa vào khai thác sớm 1 năm. Ngoài ra, công ty chỉ đạo các đơn vị chăm sóc tốt vườn nhân, vườn ươm để chuẩn bị cho mùa trồng mới năm 2012 với cơ cấu giống đa dạng theo chỉ đạo Tập đoàn.

Đã triển khai đo đạc và hoàn thành công tác cắm cột mốc GPS ranh giới vườn cây các nông trường theo kế hoạch.

Đầu tư các công trình XD CB : công ty đã thực hiện đầu tư và sửa chữa theo kế hoạch bao gồm các hạng mục giao thông, kiến trúc, thiết bị phục vụ chế biến... với số tiền 23,24 tỷ đồng. Công ty đã tiếp tục nâng cấp 2 hệ thống xử lý nước thải lên cột A.

Hoạt động đầu tư vào các dự án:

Thực hiện chủ trương kiềm chế lạm phát của Chính Phủ, công ty đã quyết định không triển khai dự án 2 khu dân cư, đồng thời xem xét rà soát lại các dự án đang tham gia góp vốn. Sau khi xem xét, công ty đã xin ý kiến Tập đoàn CNC S Việt nam tiếp tục rút vốn khỏi 2 dự án là Công ty CP cao su TPHCM và Công ty CP VRG Long An.

Đối với những dự án còn lại, công ty không đầu tư thêm mà chủ yếu tập trung đầu tư cho dự án cao su tại Campuchia (185 tỷ đồng), lũy kế đến hết năm 2011 công ty đã trồng được 5.065 ha với tổng chi phí đầu tư là 458 tỷ đồng.

Riêng dự án Công ty CP cao su Đoàn Kết, do gặp khó khăn trong việc giải quyết đất đai (dân tranh chấp), nên các cổ đông đã thống nhất dừng triển khai. Công ty đã thu hồi vốn góp về, chỉ phát sinh một ít kinh phí ban đầu của dự án như chi phí tư vấn, khảo sát,....

4. Công tác tổ chức và chăm lo đời sống, chế độ chính sách.

Tổng số cán bộ công nhân toàn công ty hiện có 5.879 lao động. Công ty đã thực hiện tốt các chế độ bảo hiểm xã hội, tổ chức ăn giữa ca, trang bị bảo hộ lao động, chăm lo thường xuyên sức khỏe toàn thể cán bộ công nhân, giải quyết đầy đủ chế độ chính sách cho người lao động... Kết quả năm 2011, lương bình quân toàn công ty đạt 9,5 triệu đồng/người/tháng, cao hơn 2,7 triệu đồng so với năm 2010.

Ngoài ra, công ty tham gia thực hiện tốt việc thăm hỏi gia đình chính sách, cán bộ hưu trí, gia đình công nhân gặp khó khăn, xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương, tham gia ủng hộ quỹ vì người nghèo của tỉnh và các huyện, hỗ trợ sửa chữa nhà trẻ-mẫu giáo, các hội bảo trợ... với tổng kinh phí 1,4 tỷ đồng. Công ty đã vận động CBCN ủng hộ đồng bào chiến sĩ Trường Sa và nhân dân Nhật Bản bị sóng thần với tổng số tiền là 1,5 tỷ đồng.

5. Công tác thanh tra, bảo vệ.

Công ty đã tổ chức 125 cuộc thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch và chuyên đề, nội dung thanh kiểm tra về việc thực hiện quy chế, quy định của công ty, việc thực hiện các chính sách cho người lao động, đảm bảo thực hiện nghiêm các qui định về dân chủ cơ sở.

Lực lượng bảo vệ các nông trường, xí nghiệp làm tốt công tác tuần tra, canh gác bảo vệ mù trên vườn cây và bảo vệ cơ quan, tài sản, kho tàng, nhà máy của đơn vị. An ninh chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn công ty ổn định, không xảy ra vụ việc phức tạp.

Chỉ đạo các đơn vị xây dựng các phương án cụ thể và thực hiện nghiêm công tác phòng chống chống cháy nhất là vào mùa khô, đảm bảo lực lượng thường trực phòng chống cháy để giải quyết sự cố kịp thời, do đó đã không xảy ra thiệt hại (dù có xảy ra 7 vụ cháy trên vườn cây).

6. Công tác thi đua, khen thưởng.

Trong năm công ty tổ chức phát động các phong trào thi đua, và từng đợt thi đua nhằm hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, chăm lo đời sống người lao động, bảo vệ vườn cây tài sản... từ cấp đội đến nông trường-xí nghiệp. Qua kết quả thi đua đã kịp thời khen thưởng cho các tập thể và cá nhân có nhiều thành tích trong các phong trào.

7. Hoạt động của các công ty con:

Công ty CP Cao su Trường Phát:

Năm 2011 công ty cổ phần cao su Trường Phát đã sản xuất 16.314,37 m³ gỗ phôi (90,64% kế hoạch năm), lũy kế tiêu thụ 16.547,57 m³ (91,93% kế hoạch năm), tổng doanh thu đạt 128,39 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 13,28 tỷ đồng, đạt 26,56% trên vốn điều lệ, nộp ngân sách 12,16 tỷ đồng. Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2011 là 10%/mệnh giá.

Công ty TNHH Phát triển Cao su Phước Hòa-KampongThom:

Tiếp tục chăm sóc tốt, bón phân 2.521,45 ha vườn cây KTCB. Đã hoàn thành và vượt kế hoạch trồng mới 2.544/2.500 ha năm 2011, đạt mức sinh trưởng tốt. Chuẩn bị kế hoạch khai hoang và trồng mới 2.000 ha năm 2012. Vườn ương, vườn nhân được chăm sóc tốt để chuẩn bị mùa vụ trồng mới năm 2012. Tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng như xây dựng cầu cống, đường lô thuận tiện, nhà ở công nhân... đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất, ổn định đời sống cán bộ công nhân.

8. Công tác khác.

Định kỳ đánh giá hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO và đề xuất các biện pháp cải tiến sau đánh giá. Bồi dưỡng nâng cao kiến thức quản lý an toàn bảo hộ lao động cho cán bộ trong ban ISO. Phối hợp Công đoàn chỉ đạo các đơn vị động viên cán bộ, công nhân tham gia bầu cử Quốc hội, Hội đồng Nhân dân các cấp đầy đủ, đúng quy định. Phối hợp Tạp chí Cao su VN biên soạn kỷ yếu của công ty kỷ niệm 30 năm thành lập Công ty CP cao su Phước Hòa (25/02/1982-25/02/2012).

9. Những thiếu sót cần khắc phục.

Bên cạnh những hiệu quả đạt được trong công tác sản xuất kinh doanh và chăm lo đời sống người lao động, quá trình thực hiện nhiệm vụ năm 2011 vẫn còn một số điểm thiếu sót cần phải khắc phục, sửa chữa như sau:

- Tình trạng trộm cắp mù, chặt phá cao su vẫn còn xảy ra nhiều, đặc biệt là tình trạng lấy cắp mù từ trong nội bộ công nhân và người đi làm phụ tiếp tục tăng lên so với năm 2010, nhất là ở các nông trường Hưng Hòa, Tân Hưng.

- Công tác quản lý vườn cây có lúc có nơi chưa chặt chẽ thể hiện qua DRC một số nông trường còn thấp, có tình trạng đào hầm giấu mù trong lô, tình hình lấn chiếm vườn cây chậm được phát hiện.

- Hệ thống xử lý nước thải ở nhà máy Bồ Lá - Ly tâm thực hiện quá chậm (dù đến 31/12/2011 đã được nghiệm thu), đã ảnh hưởng phần nào đến tâm lý người dân và hiệu quả sản xuất - kinh doanh của công ty.

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2012

Năm 2012, công ty được Tập đoàn CNCS Việt Nam giao chỉ tiêu sản lượng 19.500 tấn đồng thời yêu cầu tính toán chi phí để cố gắng giữ được lợi nhuận không sụt giảm so với năm 2011 là một yêu cầu rất cao.

Bên cạnh đó, với đa số diện tích vườn cây đã chuyển sang cạo úp nhiều năm, mật cạo ngày càng cao, mật độ cây cạo thấp, sản lượng ngày càng giảm do thanh lý vườn cây, một số diện tích mới đưa vào khai thác năng suất thấp sẽ ảnh hưởng đến năng suất bình quân của vườn cây, thời tiết diễn biến bất thường, giá bán dự kiến thấp hơn nhiều so với năm 2011 (Tập đoàn định hướng 67 triệu đồng/tấn), từ đó sẽ tác động đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty.

Với những khó khăn trên, cán bộ công nhân viên toàn công ty cần năng động trong hoạt động sản xuất kinh doanh để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch, trước hết là sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách, cổ tức, chăm lo đời sống và thu nhập cho người lao động, tái đầu tư cho sản xuất... Cán bộ công nhân viên công ty sẽ tiếp tục phấn đấu thực hiện nhiệm vụ của năm 2012 với những chỉ tiêu cơ bản sau:

Bảng 1: Một số chỉ tiêu cơ bản của kế hoạch 2012:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2012
1	Vốn điều lệ	Tr đồng	813.000
2	Sản lượng mỏ khai thác	Tấn	19.500
3	Năng suất vườn cây	Tấn	1,90
4	Sản lượng mỏ thu mua	Tấn	6.000
5	Sản lượng tiêu thụ trong kỳ (kể cả tồn kho) - Vườn cây công ty : 21.500 tấn - Thu mua : 6.000 tấn	Tấn	27.500
6	Giá bán thành phẩm cao su bình quân /tấn	Tr đồng	67
7	Giá thành tiêu thụ VC công ty / tấn	Tr đồng	48
8	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	510.610
9	Tổng lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	386.707
10	Trích các quỹ (30%) + Quỹ dự phòng tài chính (5%) + Quỹ đầu tư phát triển (10%) + Quỹ khen thưởng phúc lợi (15%)	Tr đồng	116.012
11	Lợi nhuận còn lại	Tr đồng	270.695
12	Tỷ lệ dự kiến chi trả cổ tức	%	30

Bảng 2: Kế hoạch đầu tư các dự án 2012

ĐVT: triệu đồng

S T T	Danh mục đầu tư	Vốn đầu tư toàn dự án	Vốn góp của PHR	Tỷ lệ góp vốn của PHR / vốn đầu tư	Thực hiện 2011	Vốn góp lũy kế đến 31.12.11	Kế hoạch góp vốn 2012
I	Góp vốn vào các công ty con:	2.280.849	2.225.849		185.782	494.398	330.000
1.	Công ty TNHH phát triển cao su Phước Hòa Kampong Thom tại Campuchia	1.130.849	1.130.849	100% Vay NH phát triển 480 tỷ	185.782	458.646	210.000
2.	Công ty Cổ phần Cao su Trường Phát	50.000	35.000	70%		35.000	
3.	Dự án trồng cao su tại Đaklak	1.000.000	1.000.000	100% Vay NH 50%			110.000
4.	Dự án KCN Tân Bình	100.000	60.000	60%		752	10.000
II	Góp vốn vào các công ty liên kết:	728.507	137.527			132.997	
1.	Công ty CP KCN Nam Tân Uyên	160.000	59.552	37,22%		53.032	
2.	Công ty TNHH Đầu tư hạ tầng VRG	268.507	77.975	29,04%		79.965	
III	Đầu tư dài hạn khác:	2.336.000	285.610			267.354	22.000
1.	CTCP Thủy điện Geruco Sông Cồn	300.000	57.000	19%		57.000	10.000
2.	Công ty CP đầu tư Sài Gòn VRG	1.000.000	150.000	15%		129.985	
3.	Công ty CP Cao su Quasa Geruco Lào	500.000	24.300	4,86%		24.300	
4.	Công ty CP Cao su Sơn La	200.000	20.000	10%		20.000	
5.	Công ty CP thủy điện VRG Ngọc Linh	160.000	24.000	15%	13.715	24.065	12.000
6.	Công ty Cổ phần chế biến Gỗ Thuận An	104.000	7.280	7%		8.600	
7.	Công ty Cổ phần Công nghiệp & NXK cao su	50.000	2.030	4%		2.362	
8.	Công ty Cổ phần Thể thao Ngôi sao Geru	22.000	1.000	5%		1.042	
IV	Các dự án do công ty đầu tư trực tiếp	70.000	70.000			71.943	
1.	Dự án KDC Phước Hoà	70.000	70.000	100%		71.943	
Tổng cộng		5.115.356	2.803.836		199.497	966.692	352.000

3. Giải pháp thực hiện.

Để hoàn thành nhiệm vụ trên, tập thể cán bộ công nhân toàn công ty cần tập trung thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, giải pháp như sau:

3.1 Về tổ chức quản lý sản xuất:

Từng đơn vị cơ sở bố trí phân công lao động hợp lý và ổn định lao động lâu dài trên vườn cây khai thác nhằm ổn định năng suất và sản lượng; giao khoán chăm sóc vườn cây KTCB ngay từ khi

bắt đầu trồng tái canh. Tổ chức quản lý đầu tư và khuyến khích người lao động thực hiện nhiều biện pháp thâm canh chăm sóc vườn cây thật tốt, rút ngắn thời gian KTCB.

Duy trì phong trào thi đua hoàn thành kế hoạch, phong trào rèn luyện nâng cao tay nghề nhằm tăng năng suất vườn cây, năng suất lao động, tăng chất lượng sản phẩm. Nâng cao ý thức trách nhiệm, hiệu quả trong công tác.

Triển khai thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tạo điều kiện để từng công nhân đều được quyền tham gia đóng góp xây dựng đơn vị ngày càng phát triển, đặc biệt là việc công khai sắp xếp giao khoán phân cây, công khai đơn giá tiền lương, cũng như thảo luận và thống nhất các biện pháp để đạt hiệu quả lao động, hiệu quả sản xuất kinh doanh, qua đó ổn định và phát triển công ty, ổn định thu nhập của người lao động, thực hiện tốt nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước.

3.2 Chăm lo cho người lao động:

Điều tiết tiền lương phù hợp theo từng thời điểm trong năm, tạo điều kiện cho người lao động yên tâm sản xuất. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công nhân nâng cao tay nghề và nghiệp vụ để đạt hiệu quả cao trong sản xuất. Phối hợp với các trung tâm y tế địa phương chăm sóc sức khỏe định kỳ cho toàn thể cán bộ công nhân. Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động định kỳ và đột xuất nhằm bảo đảm chăm lo đầy đủ đến người lao động. Phối hợp tổ chức tốt các hoạt động nâng cao đời sống văn hóa tinh thần trên cơ sở tiết kiệm, hiệu quả. Thực hiện tốt các chính sách xã hội trên địa bàn góp phần gắn bó giữa công ty với các địa phương.

3.3 Thực hiện nghiêm chủ trương tiết kiệm, Cắt giảm tối đa mọi chi phí không cần thiết, đặc biệt xây dựng ý thức tiết kiệm, chống lãng phí ở từng cán bộ nhân viên trên mọi lĩnh vực nhằm từng bước hạ giá thành sản phẩm, bảo đảm hiệu quả sản xuất kinh doanh và ổn định thu nhập cho người lao động. Quản lý chặt chẽ chi phí giá thành trong sản xuất, hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước theo qui định, bảo đảm tỉ lệ cổ tức phù hợp hiệu quả sản xuất kinh doanh.

3.4 Thực hiện tốt các biện pháp quản lý kỹ thuật.

Tăng cường quản lý kỹ thuật vườn cây khai thác, làm máng chắn mưa kịp thời, bôi thuốc kích thích phù hợp tuổi cây và tổ chức quản lý tốt việc bón phân trong năm. Tiếp tục thí điểm việc xịt phòng bệnh phấn trắng trên vườn cây. Tổ chức tốt việc trị bệnh nấm lá trong mùa mưa, trước hết là trên vườn cây mới khai thác.

Chăm sóc tốt 3.667,61 ha vườn cây KTCB; chăm sóc, quản lý tốt vườn ương, vườn nhân để lai thập kịp thời, có cây giống tốt. Chuẩn bị khâu làm đất kịp thời vụ để chủ động thời gian trồng tái canh năm 2012 với diện tích 583,39 ha, bảo đảm cuối năm cây sống 100% và tăng trưởng từ 4 tầng lá trở lên.

3.5 Công tác quản lý chất lượng sản phẩm: Tiếp tục duy trì tốt hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008. Áp dụng các biện pháp để tận thu mù nước, lưu ý duy trì quản lý chất lượng mù sạch ngay từ vườn cây cho đến chất lượng thành phẩm trong quá trình chế biến.

3.6 Công tác thu mua: Tổ chức quản lý chặt chẽ công tác thu mua mù nguyên liệu (kể cả ở các Nông trường), đặc biệt quan tâm công tác cân đo, để riêng biệt từng loại mù để quản lý và hạch toán chính xác, bảo đảm hiệu quả. Điều chỉnh giá mù thu mua linh động và kịp thời, bảo đảm chất lượng mù thu mua từ vườn cây tự nhân và hộ khoán, đáp ứng đủ sản lượng cung cấp cho thị trường, góp phần tăng lợi nhuận cho công ty.

3.7 Tiêu thụ sản phẩm: Tăng cường đàm phán hợp đồng dài hạn (kể cả đối với khách hàng trong nước) đồng thời linh hoạt bán chuyển trong tình hình thị trường có khó khăn hơn 2011, cân đối giữa khách hàng nước ngoài và khách hàng nội địa nhằm đạt được giá bán tốt nhất. Đảm bảo giao hàng đúng hạn, thực hiện đúng cam kết với khách hàng nhằm giữ vững uy tín với khách hàng, nâng cao thương hiệu của công ty.

3.8 Công tác XDCCB: Chỉ đầu tư các hạng mục XDCCB hết sức cần thiết phục vụ cho công tác sản xuất kinh doanh và đời sống người lao động, trước hết là công trình đường lô, công trình nâng cấp hệ thống xử lý nước thải lên cột A bảo đảm đúng tiến độ và đạt yêu cầu nghiệm thu đưa vào sử dụng. Nâng cấp lò xông dây chuyền mù tạt bảo đảm đưa vào sử dụng từ đầu quý 3. Trong quá trình thực hiện phải bảo đảm đúng trình tự XDCCB theo qui định, tổ chức và quản lý tốt việc đấu thầu theo đúng luật định, đảm bảo tính công khai và khách quan.

3.9 Đối với vườn cây thanh lý:

Chủ động tính toán thời gian thanh lý để bảo đảm tận thu sản lượng, hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch, bảo đảm giá bán vườn cây tốt nhất, đồng thời chuẩn bị đất kịp thời trồng tái canh.

3.10 Chuẩn bị tốt nguồn vốn đầu tư các dự án, đầu tư các hạng mục theo kế hoạch 2012, trong đó tập trung trước hết cho đầu tư vườn cây tái canh, vườn cây KTCB của công ty và dự án phát triển cao su ở Campuchia, dự án trồng cao su tỉnh Đaklak, dự án khu công nghiệp Tân Bình.

3.11 Chỉ đạo tốt việc xây dựng lực lượng bảo vệ tự vệ có chất lượng theo phương án cơ động, linh hoạt. Giáo dục rèn luyện đội ngũ bảo vệ, tự vệ phát huy tinh thần trách nhiệm, chấp hành tốt luật pháp, ngăn chặn kịp thời các hành vi tiêu cực.

Tiếp tục phát huy hiệu quả vai trò Ban Chỉ huy Thống nhất các cấp nhằm ổn định an ninh trật tự xã hội, bảo vệ an toàn tài sản của đơn vị và người dân trên địa bàn. Phối hợp tốt với các huyện thực hiện các chương trình kinh tế-xã hội nhằm xây dựng địa phương phát triển về mọi mặt.

3.12 Hoạt động của hai công ty con

Công ty TNHH Phát triển Cao su Phước Hòa - KampongThom: chủ động mọi biện pháp để hoàn thành tốt việc trồng mới 2.000 ha và chăm sóc tốt 5.065 ha kiến thiết cơ bản, bảo đảm sinh trưởng. Tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng, nhà ở công nhân phục vụ cho sản xuất, ổn định đời sống.

Công ty CP Cao su Trường Phát: tổ chức khai thác sử dụng tốt nguyên liệu được phân bổ đồng thời tích cực tìm kiếm thêm nguồn nguyên liệu bên ngoài để duy trì sản xuất, ổn định việc làm. Tích cực đầu tư để có thể triển khai hoạt động ghép tằm vào cuối năm.

Bình Dương, ngày 09 tháng 03 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Tân

Phần IV. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi AVA



CÔNG TY TƯ VẤN KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN VIỆT NAM
Viet Nam Auditing And Accounting Consultancy Co.ltd (AVA)
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN, TƯ VẤN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ

Số : 1391/BCKT/TC/NV6

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa

Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Các cổ đông Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa được lập ngày 29/02/2012 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31/12/2011 được trình bày từ trang 8 đến trang 36 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA). Trong Báo cáo kiểm toán Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Những vấn đề ảnh hưởng tới ý kiến kiểm toán viên :

Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa chưa xem xét đến việc loại trừ ra khỏi chi phí hợp lý khoản chi phí là giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh khi định giá giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo phương pháp tài sản với tổng số tiền: 103.346.684.517 đồng (Giá trị lợi thế kinh doanh đã được công ty hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2008, năm 2009 và năm 2010) theo quy định tại Công văn số 1560/BTC-TCT ngày 29/01/2011 của Bộ tài chính V/v: Phân bổ lợi thế kinh doanh do đang đợi văn bản hướng dẫn của Cục thuế Tỉnh Bình Dương. Nếu thực hiện theo quy định thì thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty ước tính tăng thêm khoảng 23.638 triệu đồng.

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ vấn đề nêu trên và những ảnh hưởng của chúng đến Báo cáo tài chính hợp nhất, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày 31/12/2011, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và quy định pháp lý có liên quan

Ghi chú : Chúng tôi cũng lưu ý người đọc thêm một số vấn đề có liên quan tới Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa (xem chi tiết tại thuyết minh Điểm c, mục IV.20 trang 22 kèm theo)



Bùi Đức Vinh

Phó Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0654/KTV

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KẾ TOÁN
VÀ KIỂM TOÁN VIỆT NAM (AVA)**

Hà nội, Ngày 05 tháng 03 năm 2012

A blue ink signature of Mai Quang Hiệp.

Mai Quang Hiệp

Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số 1320/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.443.963.516.292	887.541.326.065
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		636.572.984.966	423.855.233.814
111	1. Tiền	V.01	206.975.579.253	133.755.233.814
112	2. Các khoản tương đương tiền		429.597.405.713	290.100.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	V.02	147.253.564.562	42.694.347.978
121	1. Đầu tư ngắn hạn		163.842.980.387	52.652.201.935
129	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn		(16.589.415.825)	(9.957.853.957)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		297.387.802.611	229.541.619.485
131	1. Phải thu của khách hàng		75.355.294.974	46.126.654.348
132	2. Trả trước cho người bán		18.827.053.913	65.268.723.839
135	5. Các khoản phải thu khác	V.03	205.431.800.136	118.146.241.298
139	6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		(2.226.346.412)	0
140	IV. Hàng tồn kho		346.479.357.424	188.572.950.861
141	1. Hàng tồn kho	V.04	346.479.357.424	188.572.950.861
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		16.269.806.729	2.877.173.927
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		44.019.580	26.266.134
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		13.308.208.628	28.653.653
154	3. Thuế và các khoản phải thu khác của Nhà nước	V.05	30.047.754	33.289.492
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	V.06	2.887.530.767	2.788.964.648
200	B - TÀI SẢN DÀI HẠN		1.644.380.825.699	1.417.811.515.382
220	II. Tài sản cố định		1.146.929.317.970	842.057.878.272
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.07	572.972.729.012	527.245.604.328
222	- Nguyên giá		1.210.882.915.260	1.131.223.592.291
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(637.910.186.248)	(603.977.987.963)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.08	147.158.589	
228	- Nguyên giá		173.897.680	
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(26.739.091)	
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.08	573.809.430.369	314.812.273.944
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		442.243.211.411	506.076.556.088
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	V.09	177.707.420.352	166.291.993.015
258	3. Đầu tư dài hạn khác	V.10	269.480.004.174	343.153.930.188
259	4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	V.11	(4.944.213.115)	(3.369.367.115)
	V. Lợi thế thương mại		0	0
260	VI. Tài sản dài hạn khác		55.208.296.318	69.677.081.022
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.12	54.739.531.926	69.015.805.981
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		468.764.392	661.275.041
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.088.344.341.991	2.305.352.841.447

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

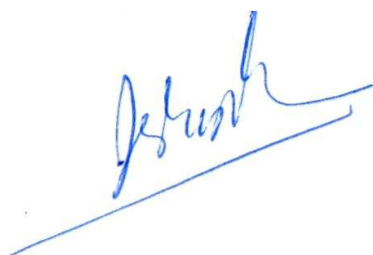
Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A - NỢ PHẢI TRẢ		1.306.718.379.429	1.004.773.335.894
310	I. Nợ ngắn hạn		1.256.108.764.433	954.162.059.976
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	V. 13	272.436.600.000	170.604.600.000
312	2. Phải trả người bán		12.546.705.594	6.975.954.836
313	3. Người mua trả tiền trước		17.525.031.547	32.836.521.068
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V. 14	40.136.419.067	63.089.846.085
315	5. Phải trả công nhân viên		293.054.296.420	286.406.778.259
316	6. Chi phí phải trả	V. 15	3.356.439.681	9.671.354.791
317	7. Phải trả nội bộ		0	0
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	V. 16	371.551.022.584	214.819.364.085
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		0	0
323	11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		245.502.249.540	169.757.640.852
330	II. Nợ dài hạn		50.609.614.996	50.611.275.918
331	1. Phải trả dài hạn người bán		0	0
333	3. Phải trả dài hạn khác		1.020.000.000	0
334	4. Vay và nợ dài hạn	V. 17	3.299.290.000	4.971.890.000
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		0	0
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		45.173.667	
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		39.691.762.071	39.085.996.660
339	9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ		6.553.389.258	6.553.389.258
400	B - VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.761.511.960.121	1.284.413.419.609
410	I. Vốn chủ sở hữu	V. 18	1.761.511.960.121	1.284.413.419.609
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		813.000.000.000	813.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		0	0
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		0	0
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		(82.752.858.513)	(51.512.113.378)
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		0	0
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		90.208.179.206	26.405.843.799
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		182.186.272.877	103.251.455.484
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		90.054.635.517	51.625.727.741
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		0	0
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		668.815.731.034	341.642.505.963
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		0	0
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		0	0
	C. Lợi ích của cổ đông thiểu số		20.114.002.441	16.166.085.944
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.088.344.341.991	2.305.352.841.447

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		7,903,980.34	5,920,229.51
- EUR			6.34
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			



Người lập biểu

Nguyễn Thị Lệ Dung

Bình Dương, Việt Nam

Ngày 29 tháng 02 năm 2012



Kê toán trưởng

Dương Văn Khen



Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Tân

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2011

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.19	2.583.623.968.703	2.030.160.035.030
2	2. Các khoản giảm trừ	VI.20	438.417.417	61.425.626
10	3. Doanh thu thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ	VI.21	2.583.185.551.286	2.030.098.609.404
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.22	1.561.352.996.562	1.320.662.478.961
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.021.832.554.724	709.436.130.443
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.23	69.612.552.784	40.606.159.741
22	7. Chi phí tài chính	VI.24	40.807.213.125	32.967.302.753
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		23.213.728.111	25.928.730.760
24	8. Chi phí bán hàng		22.840.931.891	18.981.737.115
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		76.961.721.637	150.874.135.176
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		950.835.240.855	547.219.115.140
31	11. Thu nhập khác	VI.25	59.074.439.477	134.272.572.630
32	12. Chi phí khác	VI.26	15.857.866.621	37.154.579.248
40	13. Lợi nhuận khác		43.216.572.856	97.117.993.382
45	14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh		9.336.792.346	17.240.828.132
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.003.388.606.057	661.577.936.653
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.27	176.622.753.274	159.105.921.262
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	VI.28	192.510.649	(661.275.041)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		826.573.342.134	503.133.290.432
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		3.985.369.993	903.911.471
62	18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		822.587.972.141	502.229.378.961
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.29	10.347	6.268

Người lập biểu
Nguyễn Thị Lệ Dung

Kế toán trưởng
Dương Văn Khen



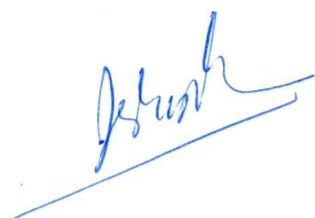
Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Tân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT NĂM 2011

Theo phương pháp trực tiếp

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX kinh doanh		
01	1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	2.565.748.177.610	2.152.759.911.164
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ	(1.353.643.717.720)	(1.064.969.010.877)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(768.809.392.473)	(430.322.962.552)
04	4. Tiền chi trả lãi	(25.481.470.034)	(17.126.544.997)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(214.946.975.164)	(181.917.194.119)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	504.652.929.589	397.396.180.825
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	(338.950.525.935)	(451.886.858.779)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX kinh doanh	368.569.025.873	403.933.520.665
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
21	1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	(105.041.804.422)	(178.589.607.040)
22	2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	137.396.362.317	145.373.940.847
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	(576.547.880.495)	(768.497.790.704)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ DH khác	465.357.102.043	822.750.748.704
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(11.518.788.264)	(88.950.918.055)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	115.024.331.775	39.456.822.834
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	79.960.586.883	34.492.954.353
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	104.629.909.837	6.036.150.939
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu	(31.240.745.135)	(12.673.613.969)
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	693.900.000.000	353.919.254.032
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(593.740.600.000)	(278.923.608.920)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(332.401.978.100)	(278.958.711.859)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(263.483.323.235)	(216.636.680.716)
50	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	209.715.612.475	193.332.990.888
60	TIỀN TỒN ĐẦU NĂM	423.855.233.814	227.520.418.630
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	3.002.138.677	3.001.824.296
70	TIỀN TỒN CUỐI NĂM	636.572.984.966	423.855.233.814



Người lập biểu
Nguyễn Thị Lệ Dung



Kế toán trưởng
Dương Văn Khen



Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Tân

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2011

Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp.

01. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần lần đầu số 4603000509 ngày 03/03/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp;

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Trồng cây cao su; Khai thác và chế biến mủ cao su; Bán lẻ xăng dầu; Mua bán gỗ cao su; Chế biến gỗ cao su; Thi công xây dựng và sửa chữa cầu đường, công trình giao thông; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; Đầu tư, xây dựng kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu dân cư; Kinh doanh địa ốc; Kinh doanh phát triển nhà và các công trình dịch vụ công nghiệp; Đầu tư tài chính.

Trụ sở chính của Công ty tại Xã Phước Hòa, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương

Các đơn vị trực thuộc Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2011 bao gồm:

Đơn vị	Địa chỉ
1. Cơ quan Công ty	Xã Phước Hòa, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương
2. Nông trường Bó lá	Xã Phước Hòa, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương
3. Nông trường Hưng Hòa	Xã Hưng Hòa, Huyện Bến cát, Tỉnh Bình Dương
4. Nông trường Tân Hưng	Xã Tân Hưng, Huyện Bến cát, Tỉnh Bình Dương
5. Nông trường Lai Uyên	Xã Phước Hòa, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương
6. Nông trường Vĩnh Bình	Xã Bình Mỹ, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
7. Nông trường Hội Nghĩa	Xã Hội Nghĩa, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
8. Nông trường Nhà Nai	Xã Tân Thành, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
9. Xí nghiệp Cơ khí Chế biến Xây dựng	Xã Phước Hòa, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 813.000.000.000 đồng; Tổng số cổ phần là 81.300.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/01 cổ phần, số cổ phần được chào bán là: 0 cổ phần; Vốn pháp định: 6.000.000.000 đồng

Cơ cấu vốn cổ phần tại thời điểm ngày 31/12/2011:

TT	Tên cổ đông	Số vốn góp	Số cổ phần	Tỷ lệ vốn góp
01	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	541.584.060.000	54.158.406	66,62%
02	Cổ phiếu quỹ	23.249.530.000	2.324.953	1,63%
03	Cổ đông khác	248.166.410.000	24.816.641	31,75%
	Cộng	813.000.000.000	81.300.000	100,00%

02. Công ty con

Công ty con của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2011 bao gồm:

Tên	Địa chỉ
01. Công ty Cổ phần Cao su Trường Phát	Xã Phước Hòa, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương
02. Công ty TNHH Phước Hòa Kampongthom	Huyện Santuk, tỉnh Kampong Thom, Campuchia

03. Công ty liên kết

Công ty liên kết của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2011 bao gồm:

Tên	Địa chỉ
01. Công ty Cổ phần KCN Nam Tân Uyên	Xã Khánh Bình, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
02. Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng - VRG	Xã Phước Hòa, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

01. Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

01. Chế độ kế toán áp dụng

Các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam và phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho doanh nghiệp được quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ tài chính V/v Hướng dẫn sử đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

01. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong quá trình chuyển đổi thành tiền.

Trường hợp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt hoặc gửi vào ngân hàng được quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch hoặc tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh để ghi sổ kế toán.

Trường hợp mua ngoại tệ về nhập quỹ tiền mặt, gửi vào Ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng Đồng Việt Nam thì được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán.

Nhóm tài sản vốn bằng tiền có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam, đồng thời theo dõi chi tiết ngoại tệ theo từng nguyên tệ và được phản ánh trên tài khoản ngoại bảng.

Số dư cuối kỳ của các tài khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được để số dư trên Báo cáo tài chính ghi nhận vào chỉ tiêu chênh lệch tỷ giá hối đoái trên Bảng cân đối kế toán đầu kỳ sau ghi bút toán đảo ngược để xóa số dư.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (Cổ phiếu, trái phiếu, tín phiếu ...) có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, hoặc bán ra chứng khoán để kiếm lời; Các khoản đầu tư ngắn hạn khác bao gồm các khoản cho vay mà thời hạn thu hồi không quá một năm.

Trong trường hợp đầu tư bằng tiền hoặc hiện vật (Tài sản cố định, nguyên liệu, hàng hóa...) thì giá trị khoản đầu tư được tính theo giá thỏa thuận của các bên tham gia đầu tư đối với các tài sản đưa đi đầu tư. Phần chênh lệch (nếu có) giữa giá trị ghi sổ kế toán của Công ty với giá trị tài sản được đánh giá lại được phản ánh vào thu nhập hoặc chi phí trong năm tài chính.

Các khoản đầu tư được theo dõi chi tiết cho từng khoản đầu tư, từng hợp đồng vay.

Việc trích lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được thực hiện ở thời điểm khóa sổ kế toán để lập báo cáo tài chính kỳ.

Mức trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được và giá gốc ghi trên sổ kế toán. Chênh lệch tăng hoặc giảm giữa số dự phòng phải trích lập với số đã trích lập được điều chỉnh vào chi phí hoạt động tài chính trong năm. Chênh lệch giảm được giảm trừ chi phí hoạt động tài chính tối đa bằng chi phí tài chính phát sinh trong năm phần còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính.

03. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ gồm các khoản phải thu từ khách hàng, trả trước cho người bán, các khoản phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được giữ để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường; Đang trong quá trình sản xuất, kinh doanh dở dang; nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (gọi chung là vật tư) để sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

05. Nguyên tắc ghi nhận tài sản ngắn hạn khác

Tài sản ngắn hạn khác của Công ty được phản ánh bao gồm chi phí trả trước, chi phí chờ kết chuyển, thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, các khoản thuế nộp thừa cho Nhà nước, các khoản tạm ứng cho cán bộ công nhân viên và các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn.

06. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ của Công ty được thực hiện theo phương pháp khấu hao đường thẳng: Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với Quyết định số 203/2009/QĐ - BTC ngày 30/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ. Thời gian khấu hao ước tính như sau :

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
+ Máy móc, thiết bị	05 – 10 năm
+ Phương tiện, vận tải	06 – 10 năm
+ Thiết bị văn phòng	03 – 08 năm

Khấu hao tài sản cố định đối với vườn cây cao su được thực hiện theo Quyết định số 221/QĐ – CSVN ngày 27/04/2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam v/v Ban hành điều chỉnh khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm; cụ thể như sau:

Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao theo %
- Năm thứ 1	2,50
- Năm thứ 2	2,80
- Năm thứ 3	3,50
- Năm thứ 4	4,40
- Năm thứ 5	4,80
- Năm thứ 6	5,40
- Năm thứ 7	5,40
- Năm thứ 8	5,10
- Năm thứ 9	5,10
- Năm thứ 10	5,00
- Năm thứ 11	7,00
- Năm thứ 12	6,60
- Năm thứ 13	6,20
- Năm thứ 14	5,90
- Năm thứ 15	5,50

- Năm thứ 16	5,40
- Năm thứ 17	5,00
- Năm thứ 18	5,00
- Năm thứ 19	5,20

Mức trích khấu hao từng năm được xác định bằng cách lấy nguyên giá vườn cây cao su nhân với tỷ lệ khấu hao áp dụng cho năm đó.

Mức khấu hao cho năm cuối cùng (năm thứ 20) được xác định bằng giá trị còn lại của vườn cây của năm khai thác cuối cùng.

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tập hợp và theo dõi các khoản chi phí thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ bản (bao gồm chi phí mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình) và tình hình quyết toán công trình.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được theo dõi chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình và từng khoản mục chi phí cụ thể.

08. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư vào công ty liên kết

Trên Báo cáo tài chính riêng của từng đơn vị thành viên

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Trên Báo cáo tài chính Hợp nhất của Công ty, các khoản đầu tư được trình bày theo các quy định đề cập trong mục IV.21 điểm a

09. Nguyên tắc ghi nhận dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập riêng cho từng khoản đầu tư của Công ty.

10. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước dài hạn.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn được ghi nhận các khoản chi phí thực tế phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán (trên một năm tài chính). Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng niên độ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí mà lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý. Các khoản chi phí này được theo dõi chi tiết cho từng khoản chi phí.

11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản chi phí phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Nguyên tắc ghi nhận các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong năm bằng ngoại tệ được quy đổi ra Việt nam đồng theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ tài chính.

13. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗ chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

19. Tính giá thành sản phẩm

a/ Đối với sản phẩm chính là mủ cao su : Giá thành sản phẩm tính theo phương pháp bình quân gia quyền theo năm được chia thành hai công đoạn là giai đoạn khai thác mủ cao su nguyên liệu và giai đoạn chế biến ra mủ cao su thành phẩm.

b/ Với các sản phẩm phụ : Phương pháp tập hợp chi phí trực tiếp.

21. Nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất

a. Các chuẩn mực áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập tuân theo các quy định của hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam gồm có:

- Chuẩn mực kế toán số 07 – kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết.
- Chuẩn mực kế toán số 08 – Thông tin tài chính về những khoản góp vốn liên doanh.
- Chuẩn mực kế toán số 10 – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.
- Chuẩn mực kế toán số 11 – Hợp nhất kinh doanh.
- Chuẩn mực kế toán số 21 – Trình bày Báo cáo tài chính.
- Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Chuẩn mực kế toán số 25 – Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào Công ty con (Ban hành theo các Quyết định số 149/2001/QĐ – BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ – BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

b. Cơ sở số liệu hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được lập dựa trên cơ sở các Báo cáo tài chính sau :

- Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến như sau: “Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa chưa xem xét đến việc loại trừ ra khỏi chi phí hợp lý khoản chi phí là giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh khi định giá giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo phương pháp tài sản với tổng số tiền: 103.346.684.517 đồng (Giá trị lợi thế kinh doanh đã được công ty hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2008, năm 2009 và năm 2010) theo quy định tại Công văn số 1560/BTC-TCT ngày 29/01/2011 của Bộ tài chính V/v: Phân bổ lợi thế kinh doanh do đang đợi văn bản hướng dẫn của Cục thuế Tỉnh Bình Dương. Nếu thực hiện theo quy định thì thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty ước tính tăng thêm khoảng 23.638 triệu đồng”.
- Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty con - Công ty TNHH Phước Hòa –Kampongthom (đang trong giai đoạn đầu tư XD CB) do đơn vị tự lập chưa được kiểm toán.
- Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty con - Công ty Cổ phần Cao su Trường Phát được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần
- Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty liên kết - Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA). Kiểm toán viên đã đưa ra những vấn đề ảnh hưởng tới ý kiến kiểm toán viên như sau: “Công ty chưa có đầy đủ biên bản đối chiếu công nợ doanh thu nhận trước tại thời điểm 31/12/2011”

- Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty liên kết – Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng – VRG do đơn vị tự lập chưa được kiểm toán.

Danh sách thông tin về các đơn vị được hợp nhất

Công ty mẹ

Đơn vị	Nội dung thông tin
Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa	Trụ sở: Xã Phước Hòa, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương Công ty Cổ phần, Nhà nước nắm giữ 66,62 % CP

Các Công ty con

Đơn vị	Nội dung thông tin
01. Công ty TNHH Phước Hòa –Kampongthom	Địa chỉ: Huyện Santuk, tỉnh Kampong Thom, Kampuchia Tỷ lệ lợi ích: 100% Quyền biểu quyết Công ty mẹ: 100%
02. Công ty Cổ phần Cao su Trường Phát	Địa chỉ: Huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương Tỷ lệ lợi ích: 70,00% Quyền biểu quyết Công ty mẹ: 70,00%

Các Công ty liên kết

Đơn vị	Nội dung thông tin
01. Công ty Cổ phần KCN Nam Tân Uyên	Địa chỉ: Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương Tỷ lệ lợi ích: 32,85 % Quyền biểu quyết Công ty mẹ: 32,85 %
02. Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng – VRG	Địa chỉ: Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương Tỷ lệ lợi ích: 29,78 % Quyền biểu quyết Công ty mẹ: 29,78 %

c. Một số điểm cần lưu ý đối với người đọc Báo cáo tài chính hợp nhất:

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo các quy định của hệ thống chuẩn mực kế toán, trong đó lưu ý:

- Giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con tại ngày mua được xác định theo giá trị ghi sổ.
- Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty con - Công ty TNHH Phước Hòa –Kampongthom (đang trong giai đoạn đầu tư XD CB) do đơn vị tự lập chưa được kiểm toán.
- Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty liên kết – Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng – VRG do đơn vị tự lập chưa được kiểm toán.
- Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty liên kết - Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán

Việt Nam (AVA). Kiểm toán viên đã đưa ra những vấn đề ảnh hưởng tới ý kiến kiểm toán viên như sau: “Công ty chưa có đầy đủ biên bản đối chiếu công nợ doanh thu nhận trước tại thời điểm ngày 31/12/2011 ”

- Lợi nhuận hoặc lỗ của nhà đầu tư trong công ty liên kết và các khoản điều chỉnh khác đã ghi nhận từ năm trước được xác định bằng Giá trị ghi sổ khoản đầu tư vào công ty liên kết liên doanh trên báo cáo hợp nhất đã được kiểm toán năm trước liền kề trừ Giá trị gốc khoản Đầu tư vào công ty liên kết liên doanh trên báo cáo riêng đã được kiểm toán năm trước liền kề.

III. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Đơn vị tính : VND

01. Tiền	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	8.356.700.778	13.278.303.354
Tiền gửi ngân hàng	198.618.878.475	120.476.930.460
Cộng	206.975.579.253	133.755.233.814

02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Cuối năm	Đầu năm
a. Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	28.234.888.625	27.454.070.757
b. Đầu tư ngắn hạn khác	135.608.091.762	25.198.131.178
c. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(16.589.415.825)	(9.957.853.957)
Cộng	147.253.564.562	42.694.347.978

Chi tiết các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

a. Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn

Mã CK	Cuối năm		Đầu năm		Lý do tăng giảm đầu năm và cuối năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
GTA	1.398.732	19.956.687.050	1.398.732	19.956.687.050		
BCC	40.000	687.087.000	40.000	687.087.000		
SCJ	30.000	1.186.747.500	30.000	1.186.747.500		
KBC	60.000	2.934.236.720	60.000	2.934.236.720		
PVI	40.500	1.243.304.900	40.500	1.243.304.900		
ITA	48.000	1.442.160.000	48.000	1.442.160.000		
ACB	98	3.847.587	82	3.847.587		
SHB	47.840	475.608.668				Mua cổ phiếu
IJC	20.000	146.292.000				Mua cổ phiếu
CSM	12.000	158.917.200				Mua cổ phiếu
	1.697.170	28.234.888.625	1.617.314	27.454.070.757		

b. Đầu tư ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn	133.428.745.350	22.932.800.000
Cho vay ngắn hạn	2.179.346.412	2.265.331.178
	135.608.091.762	25.198.131.178

c. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Mã CK	Số lượng chứng khoán	Giá trị theo sổ kế toán	Giá trị theo giá thị trường	Dự phòng giảm giá
GTA	1.398.732	19.956.687.050	9.091.758.000	10.864.929.050
BCC	40.000	687.087.000	124.000.000	563.087.000
SCJ	30.000	1.186.747.500	225.000.000	961.747.500
KBC	60.000	2.934.236.720	606.000.000	2.328.236.720
PVI	40.500	1.243.304.900	749.250.000	494.054.900
ITA	48.000	1.442.160.000	312.000.000	1.130.160.000
ACB	98	3.847.587	2.116.800	1.730.787
SHB	47.840	475.608.668	282.256.000	193.352.668
IJC	20.000	146.292.000	168.000.000	
CSM	12.000	158.917.200	106.800.000	52.117.200
	1.697.170	28.234.888.625	11.667.180.800	16.589.415.825

03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu về cổ tức	0	0
Phải thu về thẻ visa	624.500.000	626.378.159
Phải thu về tiền bán cổ phiếu	0	0
Phải thu về lãi cho vay	697.531.138	2.984.463.665
Phải thu về cho mượn ngoại tệ các công ty	197.750.848.753	105.051.101.522
Phải thu của dự án Kampuchia	0	0
Phải thu về thuế thu nhập cá nhân và thuế thu hộ	317.574.667	922.759.156
Phải thu cho vay mua cổ phiếu	4.433.767.999	5.722.906.809
Phải thu về bảo hiểm xã hội nộp thừa	0	1.177.447.140
Phải thu ký quỹ dọn dẹp, cưa cắt vườn cây thanh lý	39.445.000	130.740.000
Phải thu khác	1.568.132.579	1.530.444.847
Cộng	205.431.800.136	118.146.241.298

04. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	13.142.899.472	10.056.333.901
Công cụ, dụng cụ	6.327.252.302	2.640.054.282
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	76.191.770.852	66.393.561.588
Thành phẩm	243.919.450.982	108.595.961.090
Hàng gửi đi bán	6.897.983.816	887.040.000
Cộng giá gốc hàng tồn kho	346.479.357.424	188.572.950.861

05. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Các khoản phải thu nhà nước khác	30.047.754	33.289.492
Cộng	30.047.754	33.289.492

06. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng	2.887.530.767	2.788.964.648
Cộng	2.887.530.767	2.788.964.648

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

ĐVT : đồng

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Vườn cây cao su	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	171.981.079.785	65.243.384.158	46.857.948.604	1.319.467.676	845.821.712.068	1.131.223.592.291
Mua trong năm		3.351.192.004	1.731.530.838	46.275.563		5.128.998.405
Đầu tư XD/CB hoàn thành	47.362.372.490	30.000.000			52.891.462.594	100.283.835.084
Tặng khác	1.994.925.667	45.852.240	367.821.877			2.408.599.784
Thanh lý, nhượng bán					27.977.621.151	27.977.621.151
Giảm khác	184.489.153					184.489.153
Số dư cuối năm	221.153.888.789	68.670.428.402	48.957.301.319	1.365.743.239	870.735.553.511	1.210.882.915.260
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	78.109.641.507	47.028.288.768	27.768.019.655	961.306.664	450.110.731.369	603.977.987.963
Khấu hao trong năm	13.326.963.183	4.255.153.871	4.499.846.535	116.928.387	28.285.701.197	50.484.593.173
Tặng khác	147.403.539	13.763.133	83.369.821			244.536.493
Thanh lý, nhượng bán					16.793.551.699	16.793.551.699
Giảm khác	3.379.682					3.379.682
Số dư cuối năm	91.580.628.547	51.297.205.772	32.351.236.011	1.078.235.051	461.602.880.867	637.910.186.248
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	93.871.438.278	18.215.095.390	19.089.928.949	358.161.012	395.710.980.699	527.245.604.328
Tại ngày cuối năm	129.573.260.242	17.373.222.630	16.606.065.308	287.508.188	409.132.672.644	572.972.729.012

08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

<i>Khoản mục</i>	<i>Phần mềm</i>	<i>Tài sản cố định vô hình khác</i>	<i>Cộng</i>
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	0	0	0
Mua trong năm	173.897.680		173.897.680
Thanh lý, nhượng bán			0
Số dư cuối năm	173.897.680	0	173.897.680
Giá trị hao mòn lũy kế			0
Số dư đầu năm			0
Khấu hao trong năm	26.739.091		26.739.091
Thanh lý, nhượng bán			0
Số dư cuối năm	26.739.091	0	26.739.091
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	0	0	0
Tại ngày cuối năm	147.158.589	0	147.158.589

09. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Chăm sóc vườn cây và kiến thiết cơ bản	163.978.166.074	158.831.272.217
Hệ thống xử lý nước thải	32.578.895	303.886.197
Khu Dân cư Nông trường Tân Hưng, Lai Uyên	139.936.364	139.936.364
Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản Trường Phát	10.000.000	0
Chi phí vườn cây XDCB tại Campuchia	409.648.749.036	155.537.179.166
Cộng	<u>573.809.430.369</u>	<u>314.812.273.944</u>

10. Đầu tư vào công ty liên kết, liên danh

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Công ty CP khu công nghiệp Nam Tân Uyên	88.084.999.313	80.340.328.470
Cty TNHH XD KD CSHT cao su Việt Nam	87.552.421.039	85.951.664.545
Công ty CP cao su Đoàn kết	2.070.000.000	
Cộng	<u>177.707.420.352</u>	<u>166.291.993.015</u>

11. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Góp vốn thành lập công ty	257.038.352.000	290.617.512.000
Góp vốn Công ty CP Thủy điện Gruco Sông Côn	57.000.000.000	57.000.000.000
Góp vốn Công ty CP Cao su Quasa Geruco Lào	24.300.000.000	24.300.000.000
Góp vốn Công ty CP Cao su TP HCM	0	27.294.550.000
Góp vốn Công ty CP Cao su Sơn La	20.000.000.000	20.000.000.000
Góp vốn Công ty CP Đầu tư Sài Gòn VRG	130.072.962.000	150.072.962.000
Góp vốn Công ty CP Thủy điện VRG Ngọc Linh	24.065.390.000	10.350.000.000
Góp vốn Công ty CP VRG Long An	1.600.000.000	1.600.000.000

Đầu tư mua cổ phiếu	12.003.815.392	47.907.171.392
Cổ phiếu Công ty Công nghiệp & XNK cao su	2.361.981.326	2.361.981.326
Cổ phiếu Công ty CP Gỗ Thuận An	8.600.105.615	8.600.105.615
Cổ phiếu Công ty CP GERU SPORT	1.041.728.451	1.041.728.451
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội –SHB	0	35.903.356.000
Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu	0	0
Tiền gửi có kỳ hạn	437.836.782	4.000.000.000
Đầu tư vườn cây khoán hộ 2001	437.836.782	629.246.796
Cộng	269.480.004.174	343.153.930.188

Chi tiết các khoản đầu tư mua cổ phiếu như sau:

Chỉ tiêu	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu Công ty Công nghiệp & XNK cao su	19.900	2.361.981.326	19.900	2.361.981.326
Cổ phiếu Công ty CP Gỗ Thuận An	562.445	8.600.105.615	562.445	8.600.105.615
Cổ phiếu Công ty CP GERU SPORT	100.000	1.041.728.451	100.000	1.041.728.451
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội –SHB			2.647.000	35.903.356.000
Cộng	682.345	12.003.815.392	3.329.345	47.907.171.392

Ghi chú: Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đồng/Cổ phiếu. Riêng mệnh giá cổ phiếu của Công ty Công nghiệp và XNK Cao su là 100.000 đồng/Cổ phiếu.

12. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	Cuối năm	Đầu năm
Công ty CP Gỗ Thuận An	(4.944.213.115)	(3.369.367.115)
Cộng	(4.944.213.115)	(3.369.367.115)

13. Chi phí trả trước dài hạn	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí khảo sát dự án	817.062.240	1.978.376.853
Chi phí san nhượng đất	51.864.655.491	65.804.809.633
Chuyển đổi đất công thành đất tư	402.003.750	0
Chi phí kiểm kê gỗ DT trồng 2012, GP khai hoang 2012	9.460.077	22.905.937
Chi phí tư vấn Thuế tại Campuchia	162.429.117	907.625.957
Chi phí công cụ dụng cụ phân bổ	1.061.839.525	0
Chi phí trả trước dài hạn khác tại Campuchia	422.081.726	302.087.601
Cộng	54.739.531.926	69.015.805.981

14. Vay và nợ ngắn hạn	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngắn hạn	270.764.000.000	168.932.000.000
Nợ dài hạn hạn đến hạn trả	1.672.600.000	1.672.600.000
Cộng	272.436.600.000	170.604.600.000

Ghi chú: (*) Chi tiết vay ngắn hạn:

Bên cho vay	Số hợp đồng vay	Ngày hợp đồng vay	Mục đích vay	Lãi suất vay	Thời gian vay (tháng)	Số dư nợ gốc	Phương thức đảm bảo khoản vay
Vay dài hạn						270.764.000.000	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh 4	11.024.007/HĐTĐ	05/07/11	Vay thu mua nguyên liệu	2%/năm (USD)	6 tháng	104.140.000.000	Đảm bảo tài sản
Ngân hàng đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	03/83574/HĐ	13/10/11	Vay thu mua nguyên liệu	2%/năm (USD)	6 tháng	104.140.000.000	Đảm bảo tài sản
Ngân hàng HSBC		13/10/11	Vay xuất khẩu	2%/năm (USD)	6 tháng	62.484.000.000	Đảm bảo tài sản
Tổng cộng						270.764.000.000	

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	1.653.342.632	4.186.556.439
Thuế xuất nhập khẩu	80.665.344	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.338.174.640	58.662.396.530
Thuế thu nhập cá nhân	424.094.425	65.774.121
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	17.442.951.044	0
Thuế khác	197.190.982	175.118.995
Cộng	40.136.419.067	63.089.846.085

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

16. Chi phí phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
Trích trước chi phí vận chuyển	70.744.794	904.693.825
Trích trước chi phí trồng cây xanh khu dân cư	243.841.935	12.180.833
Trích trước chi phí quản lý vườn cây thanh lý gãy đổ	29.250.000	124.760.344
Trích trước tiền ăn giữa ca, bồi dưỡng độc hại	1.895.239.380	1.735.681.212
Trích trước chi phí thôi việc	119.399.660	5.434.618.048
Chi phí phải trả khác	997.963.912	1.459.420.529
Cộng	3.356.439.681	9.671.354.791

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	6.362.850.515	6.049.658.444
Phải trả cổ tức cho các cổ đông	4.760.265.600	54.749.579.200
Phải trả lợi nhuận giai đoạn nhà nước về cho tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	980.050.000	952.550.000

Phải trả về quỹ bảo hiểm xuất khẩu cao su	1.608.685.705	1.679.456.444
Phải trả về thu mua mủ cao su tiêu điện tại các nông trường	9.224.187.355	3.808.487.082
Phải trả về thu hộ tiền vay cán bộ công nhân viên vay	4.665.322.320	5.866.851.400
Quỹ hợp vốn cán bộ công nhân viên	16.002.500.000	23.118.296.000
Nhận ký cược , ký quỹ ngắn hạn	129.100.000.000	103.500.000.000
Phải trả về bảo hiểm xã hội	1.907.421.338	0
Phải trả về bảo hiểm thất nghiệp	263.000	0
Phải trả tiền thuế sử dụng đất	8.018.269.675	8.018.269.675
Phải trả chi phí lãi vay	112.916.604	589.473.099
Phải trả về mua mủ tư nhân	0	5.620.726.421
Phải trả về cổ phần hóa	283.122.320	283.122.320
Các khoản PHR cho các công ty tại Campuchia mượn	187.200.000.000	
Phải trả khác	1.325.168.152	582.894.000
Cộng	371.551.022.584	214.819.364.085

18. Vay và nợ dài hạn	Cuối năm	Đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	3.299.290.000	4.971.890.000
Cộng	3.299.290.000	4.971.890.000

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

<i>Nội dung</i>	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Quỹ khác thuộc vốn CSH</i>	<i>LN sau thuế chưa phân phối</i>
Số dư đầu năm trước	813.000.000.000	826.480.303	(38.838.499.409)	6.111.638.884	55.755.112.266	27.586.076.498	1.591.754.646	150.769.231.270
<i>Tăng trong năm trước</i>			(12.673.613.969)	27.052.776.058	48.988.499.551	24.494.249.775		526.876.855.452
Mua cổ phiếu quỹ			(12.673.613.969)					
Đánh giá CLTG cuối năm				1.304.819.773				
Phân phối lợi nhuận năm trước					48.988.499.551	24.494.249.775		493.294.738.424
Chuyển đổi báo cáo				25.747.956.285				
Hợp nhất báo cáo tài chính								32.982.117.028
Tặng khác								600.000.000
<i>Giảm trong năm trước</i>		826.480.303		6.758.571.143	1.492.156.333	454.598.532	1.591.754.646	336.003.580.759
Phân phối Lợi nhuận năm trước								96.165.620.400
Hoàn nhập CLTG năm trước				3.368.124.791				
Phân phối lợi nhuận năm trước								227.073.505.652
ĐC hợp nhất BCTC năm trước		826.480.303		553.097.271	1.492.156.333	454.598.532	991.754.646	12.764.454.707
Hợp nhất BCTC năm trước				2.837.349.081			600.000.000	
Giảm khác								
Số dư cuối năm trước	813.000.000.000	0	(51.512.113.378)	26.405.843.799	103.251.455.484	51.625.727.741	0	341.642.505.963

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

<i>Nội dung</i>	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Quỹ khác thuộc vốn CSH</i>	<i>LN sau thuế chưa phân phối</i>
Số dư đầu năm nay	813.000.000.000	0	(51.512.113.378)	26.405.843.799	103.251.455.484	51.625.727.741	0	341.642.505.963
Tăng trong năm nay			(31.240.745.135)	64.912.640.477	78.934.817.393	38.428.907.776		874.694.761.534
Mua cổ phiếu quỹ			(31.240.745.135)					
Lợi nhuận trong năm					75.790.428.428	37.895.214.214		838.521.585.158
Phân phối lợi nhuận năm trước					3.144.388.965	533.693.562		
Đánh giá CLTG cuối năm				13.651.142.468				
Do chuyển đổi báo cáo				48.415.513.937				50.000.631
Hợp nhất BCTC năm nay				8.634.991				36.111.175.745
ĐC hợp nhất BCTC năm trước				2.837.349.081				
Tăng khác								12.000.000
Giảm trong năm trước				1.110.305.070				547.521.536.463
Phân phối Lợi nhuận năm trước								168.705.563.651
Hoàn nhập CLTG năm nay								
Phân phối lợi nhuận năm nay								345.833.855.784
ĐC hợp nhất BCTC năm trước								32.982.117.028
Hợp nhất BCTC năm nay								
Hoàn nhập CLTG năm nay				1.110.305.070				
Số dư cuối năm trước	813.000.000.000	0	(82.752.858.513)	90.208.179.206	182.186.272.877	90.054.635.517		668.815.731.034

b. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu	Năm nay	Năm trước
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	541.584.060.000	541.584.060.000
Cổ phiếu quỹ	23.249.530.000	13.249.530.000
Các cổ đông khác	248.166.410.000	258.166.410.000
Cộng	813.000.000.000	813.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	813.000.000.000	813.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	813.000.000.000	813.000.000.000
Cổ tức đã chia năm 2010	159.950.094.000	96.165.620.400
Cổ tức đã chia năm 2011	118.462.570.500	80.108.007.000

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị lần 5/2011 số 6/11/NQ-CSPH ngày 06/10/2011, Công ty công bố việc chi trả cổ tức đợt 1 năm 2011 là 15%/mệnh giá (1.500 đồng/cổ phiếu) chi trả bằng tiền.

d. Cổ tức	Cuối năm	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	81.300.000	81.300.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>81.300.000</i>	<i>81.300.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2.324.953</i>	<i>1.324.953</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>78.975.047</i>	<i>79.975.047</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
* Mệnh giá cổ phiếu (VNĐ/ cổ phiếu)	10.000	10.000

IV. Thông tin bổ xung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

20. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	2.583.623.968.703	2.020.970.019.337
Doanh thu hoạt động kinh doanh Bất động sản	0	9.190.015.693
Cộng	2.583.623.968.703	2.030.160.035.030

21. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm nay	Năm trước
Giảm giá hàng bán	357.752.073	61.425.626
Thuế xuất nhập khẩu	80.665.344	
Cộng	438.417.417	61.425.626

22. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần thành phẩm, hàng hóa	2.583.185.551.286	2.020.908.593.711
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bất động sản	0	9.190.015.693
Cộng	2.583.185.551.286	2.030.098.609.404
23. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hoá đã bán	1.561.352.996.562	1.311.175.069.026
Giá vốn của thành phẩm đã bán	0	9.487.409.935
Cộng	1.561.352.996.562	1.320.662.478.961
24. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	50.733.764.623	16.917.855.529
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	0	972.727.778
Lãi đầu tư chứng khoán	582.754.684	1.073.930.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.490.617.733	7.024.248.800
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.495.415.744	14.617.397.634
Doanh thu hoạt động tài chính khác	310.000.000	
Cộng	69.612.552.784	40.606.159.741
25. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	23.213.728.111	17.138.725.830
Lỗ do đầu tư chứng khoán	0	622.403.484
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.647.902.315	170.273.712
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	8.206.407.868	6.148.940.127
Chi phí lãi chậm nộp lợi nhuận về Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	0	8.790.004.930
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	0	0
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán	7.739.156.000	13.005.160
Chi phí hoạt động tài chính khác	18.831	83.949.510
Cộng	40.807.213.125	32.967.302.753
26. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thanh lý vườn cây cao su	47.411.336.506	133.289.633.688
Thu tiền đền bù diện tích đất cao su	8.000.000.000	0
Thu nhập từ nhượng bán nguyên liệu	93.489.440	
Quỹ BHXH hỗ trợ tiền thuốc trị bệnh	1.125.796.682	
Thu nhập khác	2.443.816.849	982.938.942
Cộng	59.074.439.477	134.272.572.630
27. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý vườn cây cao su	15.332.606.899	36.758.644.379

Chi phí phạt vi phạm môi trường	50.921.314	137.950.000
Chi phí khác	474.338.408	257.984.869
Cộng	15.857.866.621	37.154.579.248

28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN tính trên TN chịu thuế năm hiện hành	176.622.753.274	159.105.921.262
Cộng	176.622.753.274	159.105.921.262

29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế do loại trừ lãi chưa thực hiện khi hợp nhất báo cáo tài chính	192.510.649	(661.275.041)
	192.510.649	(661.275.041)

29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	822.587.972.141	502.229.378.961
Các khoản giảm trừ lợi nhuận sau thuế	0	0
- <i>Cổ tức cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	822.587.972.141	502.229.378.961
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	79.499.842	80.121.635
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.347	6.268

(*) Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ được xác định như sau:

<i>Ngày giao dịch</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	<i>Mệnh giá cổ phiếu</i>	<i>Số ngày lưu hành cổ phiếu</i>	<i>Số lượng cổ phiếu bình quân</i>
01/01/2011	Đầu kỳ	79.975.047	10.000	365	79.975.047
06/06/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(2.720)	10.000	209	(1.557)
07/06/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(6.000)	10.000	208	(3.419)
08/06/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(42.000)	10.000	207	(23.819)
09/06/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(17.400)	10.000	206	(9.820)
13/06/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(7.900)	10.000	202	(4.372)
14/06/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(30.000)	10.000	201	(16.521)
15/06/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(15.000)	10.000	200	(8.219)
16/06/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(9.620)	10.000	199	(5.245)
20/06/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(25.370)	10.000	195	(13.554)
21/06/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(26.500)	10.000	194	(14.085)
22/06/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(8.770)	10.000	193	(4.637)

23/06/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(47.500)	10.000	192	(24.986)
24/06/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(28.900)	10.000	191	(15.123)
27/06/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(1.800)	10.000	188	(927)
28/06/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(27.500)	10.000	187	(14.089)
29/06/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(28.000)	10.000	186	(14.268)
30/06/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(17.450)	10.000	185	(8.845)
01/07/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(17.890)	10.000	184	(9.019)
04/07/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(20.560)	10.000	181	(10.196)
05/07/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(36.000)	10.000	180	(17.753)
06/07/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(46.890)	10.000	179	(22.995)
07/07/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(48.680)	10.000	178	(23.740)
08/07/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(1.640)	10.000	177	(795)
11/07/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(30.000)	10.000	174	(14.301)
12/07/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(8.000)	10.000	173	(3.792)
13/07/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(5.620)	10.000	172	(2.648)
14/07/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(4.630)	10.000	171	(2.169)
15/07/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(10.950)	10.000	170	(5.100)
18/07/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(37.000)	10.000	167	(16.929)
19/07/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(25.000)	10.000	166	(11.370)
20/07/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(23.780)	10.000	165	(10.750)
21/07/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(16.000)	10.000	164	(7.189)
22/07/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(20.170)	10.000	163	(9.007)
25/07/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(34.580)	10.000	160	(15.158)
26/07/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(19.400)	10.000	159	(8.451)
27/07/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(2.470)	10.000	158	(1.069)
28/07/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(13.500)	10.000	157	(5.807)
29/07/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(19.000)	10.000	156	(8.121)
01/08/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(9.000)	10.000	153	(3.773)
02/08/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(18.640)	10.000	152	(7.762)
03/08/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(15.300)	10.000	151	(6.330)
04/08/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(6.740)	10.000	150	(2.770)
05/08/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(11.660)	10.000	149	(4.760)
08/08/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(28.700)	10.000	146	(11.480)
09/08/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(18.950)	10.000	145	(7.528)
10/08/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(20.890)	10.000	144	(8.242)
11/08/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(8.820)	10.000	143	(3.456)
12/08/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(27.230)	10.000	142	(10.594)
15/08/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(12.310)	10.000	139	(4.688)
16/08/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(14.100)	10.000	138	(5.331)
17/08/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(9.160)	10.000	137	(3.438)
18/08/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(3.000)	10.000	136	(1.118)
19/08/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(4.000)	10.000	135	(1.479)
22/08/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(310)	10.000	132	(112)
23/08/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(2.000)	10.000	131	(718)
24/08/2011	Mua cổ phiếu quỹ	(5.000)	10.000	130	(1.781)
	Cộng	78.975.047			79.499.842

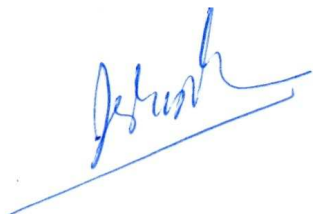
V. Thông tin khác.

01. Số liệu so sánh.

Số liệu so sánh trên là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam.

02. Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2011 của Công ty được Ban Giám đốc phê duyệt để ban hành vào ngày 29/02/2012.



Người lập biểu

Nguyễn Thị Lệ Dung

Bình Dương, Việt Nam

Ngày 29 tháng 02 năm 2012



Kế toán trưởng

Dương Văn Khen



Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Tân

Phần V. Báo cáo hoạt động kiểm soát năm 2011

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Cao su Phước Hòa.

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cao su Phước Hòa.

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cao su Phước Hòa.

Ban kiểm soát xin báo cáo Đại hội cổ đông về hoạt động kiểm soát tại Công ty trong năm 2011, như sau:

I. Kiểm soát hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc công ty về việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2011:

1. Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2011 đã thông qua một số chỉ tiêu chính là:

+ Sản lượng cao su khai thác:	20.000 tấn
+ Năng suất bình quân vườn cây:	1,94 tấn /ha
+ Sản lượng cao su thu mua:	6.000 tấn
+ Sản lượng cao su tiêu thụ:	26.000 tấn
+ Tổng doanh thu:	1.902 tỷ đồng
+ Giá bán cao su bình quân:	65 triệu đ/tấn
+ Tổng lợi nhuận sau thuế công ty mẹ:	466,31 tỷ đồng
+ Chia cổ tức:	30%/mệnh giá

Trong năm 2011, Ban lãnh đạo công ty đã chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện tốt công tác tổ chức quản lý ngay từ đầu năm, tận thu tốt sản lượng ngay trong quý I, đồng thời chỉ đạo tốt việc bón phân 3 lần trên toàn bộ vườn cây khai thác, có chế độ cạo phù hợp đối với từng vườn cây, tuân thủ quy trình kỹ thuật của Tập đoàn nên đến ngày 24/12 công ty đã hoàn thành kế hoạch sản lượng năm.

Ban Tổng giám đốc Công ty đã triển khai tốt các nghị quyết của HĐQT, duy trì họp thường xuyên với Giám đốc các nông trường, lãnh đạo các phòng ban để chỉ đạo kịp thời và kiểm soát chặt chẽ tiến độ thực hiện kế hoạch SXKD. Trong năm 2011, tình hình giá cao su trên thị trường diễn tiến thuận lợi (luôn ổn định ở mức cao) nên dù gặp một số khó khăn về thời tiết, đầu mùa cạo vườn cây bị bệnh phấn trắng 100% diện tích nhưng Ban lãnh đạo công ty cùng với toàn thể CBCNV quyết tâm, bằng nhiều biện pháp để tăng sản lượng cao su sản xuất đến mức tối đa góp phần thực hiện hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011, cụ thể như sau :

+ Sản lượng cao su khai thác:	20.808 tấn	đạt 104,04% KH
+ Năng suất bình quân vườn cây:	2,01 tấn /ha	đạt 103,61% KH
+ Sản lượng cao su thu mua:	8.242 tấn	đạt 137,36% KH
+ Tổng doanh thu:	2.724 tỷ đ	đạt 143,22% KH
+ Giá bán cao su bình quân:	94,50 tr.đ/T	đạt 145,38% KH

+ Tổng lợi nhuận sau thuế công ty mẹ: 825,23 tỷ đ đạt 176,97% KH

+ Chia cổ tức: 30 % đạt 100% KH

2. Công tác đầu tư:

2.1 Đầu tư trong nội bộ công ty:

Trong năm 2011, Công ty đã thực hiện đầu tư XD CB trong nội bộ với tổng số vốn là 81,24 tỷ đồng, trong đó đầu tư cho trồng mới, tái canh và chăm sóc cao su KTCB là 58 tỷ đồng (chiếm 72%); còn lại 23,24 tỷ đồng là đầu tư cho các hạng mục đường giao thông, kiến trúc, thiết bị là những hạng mục thiết yếu phục vụ hoạt động SXKD của công ty. Về cơ bản, công ty đã thực hiện đúng trình tự thủ tục đầu tư XD CB theo quy định.

2.2. Đầu tư tài chính ra bên ngoài Công ty:

Trong năm 2011, Công ty hầu như không thực hiện đầu tư kinh doanh chứng khoán ngắn hạn, các mã cổ phiếu công ty nắm giữ tại thời điểm cuối năm 2011 chủ yếu là các mã cổ phiếu đã đầu tư từ năm 2010. Tuy nhiên, do giá trị cổ phiếu sụt giảm nên trong năm 2011 công ty phải trích lập dự phòng thêm 6,6 tỷ đồng.

Về đầu tư dài hạn: Thực hiện chủ trương kiềm chế lạm phát, cắt giảm đầu tư công của Thủ tướng Chính phủ, Công ty đã quyết định tạm thời không triển khai 2 dự án Khu công nghiệp và Khu dân cư, đồng thời xem xét, rà soát lại các dự án đang tham gia góp vốn, cụ thể như sau:

Trong năm 2011, công ty chỉ thực hiện góp vốn đầu tư vào 2 dự án tổng cộng 199,5 tỷ đồng (83,49% KH): Dự án trồng cao su tại Cty TNHH Phước Hòa Kampongthom (Campuchia) 185,8 tỷ và Dự án thủy điện tại Cty CP Thủy điện Ngọc Linh 13,7 tỷ. Dừng triển khai dự án cao su tại Cty CP Cao su Đoàn Kết và đã thực hiện thoái vốn tại Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội 35,9 tỷ; Công ty CP Cao su TP.HCM (TNXP) 27,3 tỷ đồng.

Lợi nhuận từ cổ tức được chia từ hoạt động đầu tư góp vốn vào các Công ty cổ phần năm 2011 là 29,7 tỷ đồng.

2.3 Tình hình đầu tư tại Cty TNHH Phước Hòa-Kampongthom:

Trong năm 2011, Công ty đã trồng mới được 2.544,44/2.500ha cao su (101,78% KH), mật độ 507cây/ha. Tỷ lệ cây sống đạt 100%, trong đó cây trên 2 tầng lá 1,53%, cây trên 3 tầng lá 43,46%, cây trên 4 tầng lá 55,01%; vườn cây đạt mức sinh trưởng tốt.

Tiếp tục chăm sóc tốt, bón phân 2.521,45 ha vườn cây kiến thiết cơ bản, đầu tư cơ sở hạ tầng như xây dựng cầu cống, đường lô, nhà ở công nhân... đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất, ổn định đời sống cán bộ, công nhân.

3. Công tác mua sắm vật tư sản xuất và quản lý tài sản:

Công ty đã thực hiện tốt quy chế mua sắm vật tư, công cụ dụng cụ phục vụ cho hoạt động SXKD như: tổ chức đấu thầu cung cấp, khảo sát giá, chào giá cạnh tranh; vật tư, hàng hóa mua vào có kiểm định chất lượng, số lượng đầy đủ.

Lực lượng bảo vệ của Công ty luôn làm tốt công tác tuần tra, canh gác bảo vệ vườn cây, tài sản, kho tàng, nhà máy của đơn vị. Phối hợp tốt với các lực lượng tại địa phương để xử lý, thu hồi đáng kể lượng mủ bị trộm cắp. Định kỳ, Công ty đều có thực hiện kiểm kê tài sản theo quy định,

4. Về tiền lương:

Theo thỏa thuận với Tập đoàn CNCS VN thì trong năm 2011 Công ty đã trích 415đ/1.000đ doanh thu cao su để hình thành quỹ lương chủ yếu của công ty. Ban lãnh đạo Công ty đã điều hành linh hoạt và phân phối quỹ lương một cách hợp lý, kịp thời kích thích, động viên CBCN nỗ lực và an tâm sản xuất. Việc phân phối quỹ lương theo đúng quy chế của công ty ban hành và Nghị quyết của HĐQT.

Tổng quỹ tiền lương thực hiện của công ty năm 2011 là 712,11 tỷ, bình quân 9,5 triệu đồng/người/tháng.

5. Thù lao và khen thưởng cho HĐQT và Ban kiểm soát:

Trong năm 2011, Công ty đã tạm chi thù lao và khen thưởng cho các thành viên HĐQT, BKS và thư ký HĐQT (09 người) là 633.000.000đ so với mức được chi là 2,475 tỷ đồng (0,3% lợi nhuận sau thuế) theo đúng Nghị quyết mà Đại Hội đồng cổ đông đã biểu quyết thông qua.

6. Kiểm soát công nợ:

Quá trình kiểm soát chúng tôi nhận thấy rằng: Công ty đã thực hiện tốt việc quản lý công nợ đối với các khách hàng, thường xuyên kiểm tra, theo dõi chặt chẽ, đôn đốc thu hồi công nợ kịp thời và không để phát sinh những khoản công nợ khó đòi. Cuối năm tài chính, Công ty đã thực hiện đối chiếu, xác nhận công nợ với các khách hàng tương đối đầy đủ.

II. Tình hình tài chính của công ty:

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2011 là: 813 tỷ.

Trong năm 2011, Công ty đã tiến hành mua lại 1.000.000 cổ phiếu của công ty để làm cổ phiếu quỹ với giá bình quân là 31.240đ/CP đúng theo các Nghị quyết của HĐQT công ty. Lũy kế đến 31/12/2011 tổng số cổ phiếu quỹ công ty nắm giữ là 2.324.953 CP tương ứng 82,753 tỷ đồng (Bình quân 35.593đ/CP).

Trong năm 2011, công ty đã thực hiện trả cổ tức đợt 2 năm 2010 là 159,95 tỷ và tạm chi trả cổ tức đợt 1 năm 2011 là 118,46 tỷ (tương đương 15 %). Công ty cũng đã thực hiện tạm trích các quỹ dự phòng tài chính (5%), quỹ đầu tư phát triển (10%) và quỹ khen thưởng phúc lợi (15%) theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

Sau khi thẩm tra Báo cáo tài chính năm 2011 do công ty lập và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty Tư vấn kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA), Ban kiểm soát nhận thấy:

- Tình hình tài chính công ty lành mạnh, vốn được bảo toàn và phát triển.
- Báo cáo tài chính được lập theo đúng chế độ và các chuẩn mực kế toán Việt Nam và được gửi cho các cơ quan chức năng đúng thời gian quy định.
- Xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của công ty tại ngày 31/12/2011.

III. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát gồm 3 thành viên, trong đó có 1 Trưởng ban, hoạt động kiêm nhiệm, không có thành viên chuyên trách. Trong năm 2011, Ban kiểm soát tổ chức họp định kỳ mỗi quý 1 lần nhằm đánh giá công tác kiểm soát trong thời gian qua, xem xét tiến độ thực hiện các kế hoạch của Công ty và đề ra chương trình hoạt động trong thời gian tới. Trong Ban có phân công 1 thành viên trực tiếp giám sát, theo dõi tình hình đầu tư, sản xuất nông nghiệp tại các đội sản xuất, nông trường, nhà máy của công ty.

Trong năm 2011, Ban kiểm soát đã thực hiện các công việc sau:

- Kiểm soát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT Công ty.

- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình chấp hành chính sách chế độ tài chính kế toán và các quy định của pháp luật của Công ty.

- Kiểm tra tình hình đầu tư tại Campuchia.

- Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch thu mua, chế biến và tiêu thụ mủ cao su tiểu điền; Kiểm tra tình hình mua sắm vật tư, nguyên liệu, công cụ, hàng hóa phục vụ sản xuất; Kiểm tra tình hình thực hiện đầu tư XDCB, mua sắm TSCĐ trong năm.

Ngoài ra, các thành viên Ban kiểm soát luôn tham gia đầy đủ các cuộc họp do HĐQT triệu tập, cùng tham gia thảo luận và đóng góp ý kiến trong điều hành hoạt động của công ty.

Qua trực tiếp giám sát và các cuộc kiểm tra, làm việc với công ty, Ban kiểm soát có những ý kiến đánh giá, nhận xét như sau:

Về công tác sản xuất:

+ Công ty có đội ngũ cán bộ có kinh nghiệm trong tổ chức khai thác, quản lý sản lượng mủ. Đa số công nhân có tay nghề ổn định, quy trình kỹ thuật khai thác được tuân thủ. Năm 2011, Phước Hòa là một trong 5 công ty đạt năng suất bình quân trên 02 tấn/ha của Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam.

+ Vườn cây kiến thiết cơ bản được chăm sóc tốt, tỷ lệ tăng vanh bình quân vượt 7,47% so với qui định, từ đó sẽ có một số diện tích vườn cây được đưa vào khai thác sớm một năm so với qui trình. Vườn cây trồng tái canh đạt tỷ lệ sống 100% hầu hết cây sinh trưởng và phát triển tốt, hầu hết đạt từ 4 tầng lá trở lên.

+ Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO tiếp tục được duy trì trong công tác chế biến, chất lượng sản phẩm ngày càng ổn định và nâng cao đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

Về công tác thu mua, chế biến mủ cao su tiểu điền, mua sắm vật tư, nguyên liệu, đầu tư XDCB, mua sắm TSCĐ:

Về cơ bản, công ty đã thực hiện đúng theo quy chế đã ban hành từ khâu tiếp nhận mủ, kiểm tra hàm lượng của mủ một cách khoa học và chặt chẽ; có thực hiện đấu thầu cung cấp, kiểm định chất lượng vật liệu mua sắm, thực hiện đúng quy trình đầu tư XDCB. Tuy nhiên, Ban điều hành công ty cũng cần rút kinh nghiệm, khắc phục những thiếu sót mà Ban Kiểm soát đã kiến nghị như: về chứng từ kế toán trong khâu thu mua mủ, việc ký kết và thanh lý các Hợp đồng kinh tế.

Về công tác điều hành của HĐQT và Ban Tổng giám đốc công ty:

Chủ tịch HĐQT đã tổ chức các phiên họp HĐQT theo đúng điều lệ của Công ty, định kỳ 3 tháng/lần để thảo luận và thông qua kế hoạch SXKD, đầu tư XDCB hàng quý, năm; các vấn đề quan trọng đều được đưa ra thảo luận công khai, các ý kiến đóng góp của các thành viên đều được tôn trọng và đúc kết thành nghị quyết để thực hiện.

Hội đồng quản trị điều hành hoạt động Công ty CP Cao su Phước Hòa sâu sát và có hiệu quả, luôn thực hiện đúng các chủ trương của nhà nước và chỉ đạo của Cty mẹ-Tập đoàn Công nghiệp Cao su VN. Hội đồng quản trị luôn đánh giá cao vai trò của Ban kiểm soát trong bàn bạc thảo luận,

luôn tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát thực thi trách nhiệm và quyền hạn theo Điều lệ Công ty.

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc công ty tùy theo lĩnh vực được phân công đã chung sức điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2011 đạt và vượt kế hoạch đề ra; chấp hành và thực hiện tốt các Nghị quyết của HĐQT, đảm bảo đời sống cho CBCNV toàn công ty.

IV . Kiến nghị:

Trong tình hình hiện nay, Công ty cần phát huy ưu điểm về năng lực, kinh nghiệm trong lãnh đạo, quản lý và có kế hoạch tiết kiệm chi phí, sử dụng vốn có hiệu quả. Cần tiếp tục đầu tư cho công tác sản xuất nông nghiệp: thâm canh vườn cây, tăng suất đầu tư cho công tác tái canh trồng mới, chăm sóc cao su nhằm rút ngắn thời gian kiến thiết cơ bản, sớm đưa vườn cây vào khai thác; tăng cường các biện pháp kỹ thuật trên vườn cây kinh doanh... đặc biệt là cần trang bị thiết bị, phương tiện, cũng như các loại thuốc bảo vệ thực vật phòng trị bệnh có hiệu quả để vườn cây có chất lượng tốt, năng suất cao.

Công ty cần tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện đầu tư sản xuất tại Dự án trồng cao su của Công ty TNHH Phước Hòa–Kampongthom, đảm bảo chăm sóc tốt vườn cây KTCB và trồng mới đạt tỷ lệ sống 100% và vườn cây sinh trưởng, phát triển tốt, đảm bảo hiệu quả lâu dài cho Công ty.

Trên đây là Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2011.

Nơi nhận:

- + Đại hội cổ đông CTCP CS Phước Hòa;
- + HĐQT CTCP CS Phước Hòa;
- + Lưu : BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT

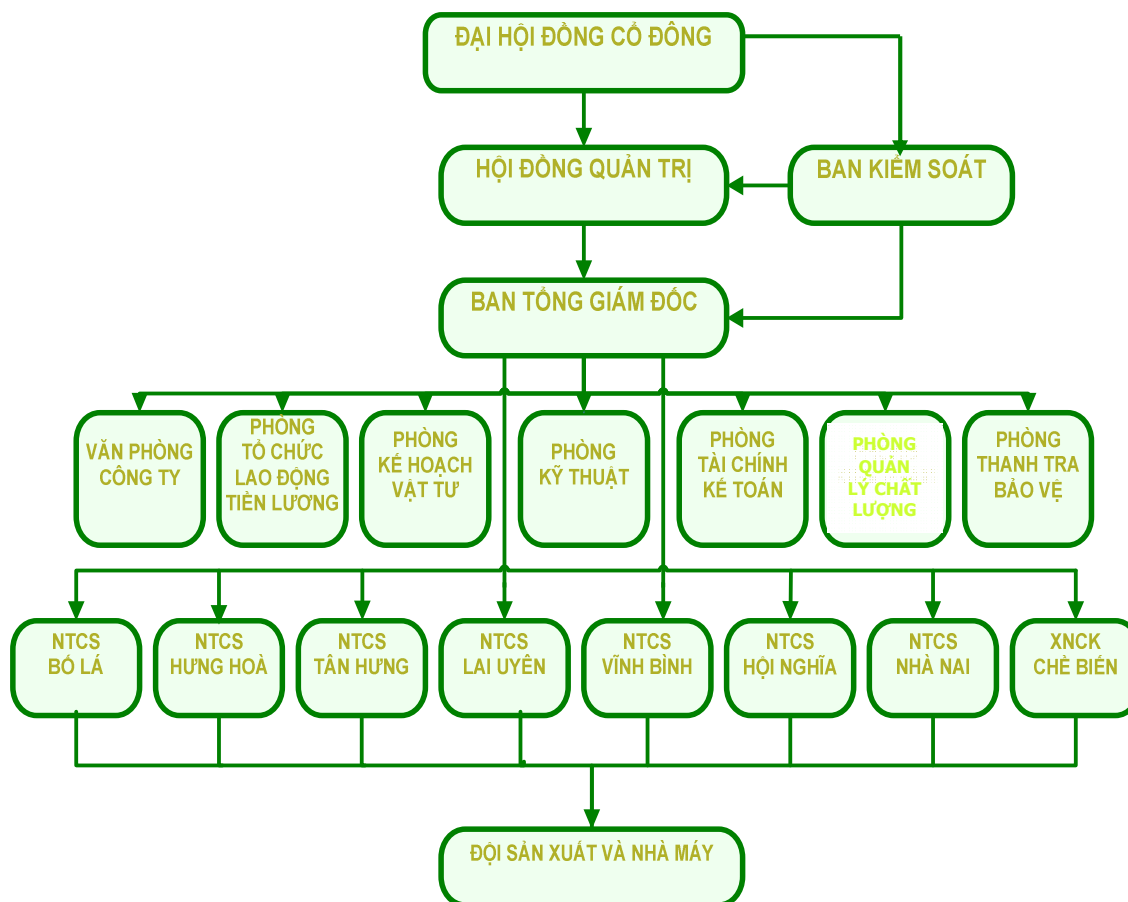
TRƯỞNG BAN

(đã ký)

Hồ Mộng Vân

Phần VI. Cơ cấu tổ chức công ty.

1. Sơ đồ tổ chức của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà



2. Cơ cấu cổ đông công ty tại thời điểm 16/02/2012

	Cơ cấu vốn	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Cá nhân trong nước	3.992	9.545.299	11,74
	Tổ chức trong nước	31	58.508.028	71,96
2	Cá nhân nước ngoài	30	77.450	0,10
	Tổ chức nước ngoài	28	10.844.270	13,34
3	Cổ phiếu quỹ	1	2.324.953	2,86
Tổng cộng		4.082	81.300.000	100

Trong đó:

STT	Tên cổ đông	Số CMND/ Đăng ký KD	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
Cổ đông Nhà nước				
1	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam ĐC: 236 Nam kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, TPHCM. - Ông Lê Phi Hùng đại diện 31,62% - Ông Nguyễn Văn Tân đại diện 20% - Ông Phạm Văn Thành đại diện 15%	4106000341	54.158.406	66,62%

Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc				
1	Lê Phi Hùng Chủ tịch HĐQT	280476436	2.400	0,003%
2	Nguyễn Văn Tân Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	280016743	3.200	0,004%
3	Phạm Văn Thành Ủy viên HĐQT	023138281	5.000	0,006%
4	Trương Văn Quanh UV.HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	280292921	2.900	0,004%
5	Nguyễn Đức Thắng Ủy viên HĐQT	285000674		
6	Nguyễn Văn Ngọc Phó Tổng giám đốc	280272906	5.700	0,007%
Ban Kiểm Soát				
1	Hồ Mộng Vân	021949081	1.140	0,001%
2	Nguyễn Văn Tước	280348264	2.400	0,003%
3	Vũ Quốc Anh	022228837		
Kế toán trưởng				
1	Dương Văn Khen	280380418	3.000	0,004%

3. Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc, Ban kiểm soát:

Ông Lê Phi Hùng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Ông Lê Phi Hùng là người có kinh nghiệm lâu năm trong ngành cao su, ông tham gia vào công ty từ năm 1983. Ông đã giữ nhiều vị trí lãnh đạo tại các nông trường trực thuộc của công ty như Giám đốc các Nông trường Vĩnh Bình, Nông trường Nhà Nai, Nông trường Tân Hưng; chuyên gia kỹ thuật cao su tại Kampuchia, phó phòng kỹ thuật, Trưởng phòng kỹ thuật, Phó giám đốc công ty cao su Phước Hòa. Ông tham gia quản lý tại các dự án công ty đầu tư góp vốn như dự án thủy điện Sông Côn, dự án cao su Sơn La, dự án cao su Quasa Geruco Lào,...

Từ ngày 14/03/2012 ông thôi giữ chức vụ Phó tổng giám đốc. Hiện tại, Ông đang giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách - Công ty cổ phần cao su Phước Hòa.

Ông Nguyễn Văn Tân

**Ủy viên Hội đồng quản trị
Tổng giám đốc công ty**



Ông Nguyễn Văn Tân tham gia vào công ty từ năm 1990, ông đã đảm nhiệm các vị trí chủ chốt như phó chánh văn phòng, trưởng phòng tổ chức lao động tiền lương, phó giám đốc công ty, giám đốc công ty cao su Phước Hòa.

Với kinh nghiệm lãnh đạo, kiến thức về ngành và lòng nhiệt huyết cống hiến. Ông đã lãnh đạo công ty gặt hái được nhiều thành công, đưa thương hiệu Cao su Phước Hòa ngày càng có uy tín trên thị trường.

Từ ngày 14/03/2012 ông Nguyễn Văn Tân thôi kiêm nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị. Hiện tại, ông đang giữ chức vụ Tổng giám đốc công ty cổ phần cao su Phước Hòa.

Ông Phạm Văn Thành

Ủy viên Hội đồng quản trị



Ông Phạm Văn Thành là người có nhiều năm kinh nghiệm trong tập đoàn, ông đang giữ chức vụ Trưởng ban kế hoạch & đầu tư của Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam và kiêm nhiệm Chủ tịch hội đồng quản trị, thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát một số công ty có vốn đầu tư của Tập đoàn.

Hiện tại ông đang kiêm nhiệm chức vụ Ủy viên Hội đồng quản trị công ty cổ phần cao su Phước Hòa.

Ông Trương Văn Quanh

**Ủy viên Hội đồng quản trị
Kiêm phó tổng giám đốc công ty**



Ông Trương Văn Quanh tham gia vào công ty từ năm 1978, là người gắn bó lâu năm với công ty. Ông đã đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo trong công ty như phó bí thư đoàn thanh niên, bí thư đoàn thanh niên, chủ tịch công đoàn, phó bí thư đảng ủy, phó giám đốc công ty cao su Phước Hòa. Ông tham gia quản lý tại các dự án công ty đầu tư góp vốn như dự án khu công nghiệp Nam Tân uyên, dự án BOT đường ĐT 741,...

Hiện tại ông đang giữ chức vụ Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó tổng giám đốc công ty cổ phần cao su Phước Hòa.

Ông Nguyễn Đức Thắng
Ủy viên Hội đồng quản trị



Ông Thắng đang giữ chức vụ Giám đốc đầu tư kiêm phó giám đốc chi nhánh TPHCM công ty chứng khoán Thăng Long. Ông đang tham gia hội đồng quản trị và ban kiểm soát tại một số công ty như công ty CP thực phẩm Cholimex, công ty CP đầu tư Việt Phát, công ty CP An Phú Bình Dương, công ty CP Phú Tài.

Hiện tại ông đang kiêm nhiệm chức vụ Ủy viên Hội đồng quản trị công ty CP cao su Phước Hòa.

Ông tham gia vào công ty từ năm 1991, ông đã đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo như Phó phòng tổ chức lao động tiền lương, trưởng phòng tổ chức lao động tiền lương, phó giám đốc công ty cao su Phước Hòa. Ông tham gia quản lý một số dự án công ty tham gia góp vốn như CTCP chế biến gỗ Thuận An, công ty CP cao su Trường Phát, Dự án thủy điện Ngọc Linh,...

Hiện tại ông đang giữ chức vụ phó tổng giám đốc công ty cổ phần cao su Phước Hòa.

Ông Nguyễn Văn Ngọc
Phó tổng giám đốc



Ông Hồ Mộng Vân là Phó ban tài chính kế toán Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam. Ông là người có kinh nghiệm quản lý công tác tài chính, kế toán trong ngành cao su. Ông đang phụ trách công tác kiểm tra tài chính, kế toán ngành cao su. Ông đang kiêm nhiệm thành viên ban kiểm soát tại các dự án có vốn góp của tập đoàn.

Hiện tại ông đang kiêm nhiệm chức vụ Trưởng ban kiểm soát tại công ty cổ phần cao su Phước Hòa.

Ông Hồ Mộng Vân
Trưởng ban kiểm soát



Ông Nguyễn Văn Tước
Thành viên ban kiểm soát

Ông tham gia công ty từ năm 1982, ông Tước đã đảm nhiệm một số chức vụ lãnh đạo tại nông trường cao su Nhà Nai trực thuộc công ty như trợ lý kế toán, phó giám đốc nông trường, giám đốc nông trường.

Hiện tại ông đang giữ chức vụ Giám đốc nông trường cao su Nhà Nai, kiêm nhiệm thành viên ban kiểm soát tại công ty cổ phần cao su Phước Hòa.



Ông Vũ Quốc Anh
Thành viên ban kiểm soát

Ông Anh đang giữ chức vụ trưởng phòng tài chính kế toán công ty cổ phần công nghiệp cao su Miền Nam (Casumina).

Ông đang kiêm nhiệm chức vụ thành viên ban kiểm soát tại công ty cổ phần cao su Phước Hòa.



Ông Dương Văn Khen
Kế toán trưởng
Phụ trách công bố thông tin

Ông Khen là người có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực tài chính, kế toán tại công ty. Ông đảm nhiệm chức vụ kế toán trưởng kiêm trưởng phòng tài chính kế toán công ty từ năm 1989. Ông đang tham gia ban kiểm soát tại các dự án công ty có vốn góp đầu tư như dự án thủy điện Sông Côn, dự án BOT ĐT 741,...

Hiện tại ông đang giữ chức vụ Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng tài chính kế toán công ty cổ phần cao su Phước Hòa.



VII. Các đơn vị trực thuộc công ty & các công ty có liên quan.

1. Các đơn vị trực thuộc:

STT	Đơn vị
1	NÔNG TRƯỜNG CAO SU BỐ LÁ
	Trụ sở: Xã Phước Hòa, H. Phú Giáo, Bình Dương; ĐT: 0650 – 3 657 161 Trồng, chăm sóc và khai thác mủ cao su.
2	NÔNG TRƯỜNG CAO SU HÙNG HOÀ
	Trụ sở: Xã Hưng Hòa, H. Bến Cát, Bình Dương; ĐT: 0650 – 3 563 511 Trồng, chăm sóc và khai thác mủ cao su.
3	NÔNG TRƯỜNG CAO SU TÂN HƯNG
	Trụ sở : Xã Tân Hưng, H. Bến Cát, Bình Dương; ĐT: 0650 – 3 563 531 Trồng, chăm sóc và khai thác mủ cao su.
4	NÔNG TRƯỜNG CAO SU LAI UYÊN
	Trụ sở: Xã Tân Long, H. Phú Giáo, Bình Dương; ĐT: 0650 – 3 660 593 Trồng, chăm sóc và khai thác mủ cao su.
5	NÔNG TRƯỜNG CAO SU VĨNH BÌNH
	Trụ sở: Xã Bình Mỹ, H. Tân Uyên, Bình Dương; ĐT: 0650 – 3 684 030 Trồng, chăm sóc và khai thác mủ cao su.
6	NÔNG TRƯỜNG CAO SU HỘI NGHĨA
	Trụ sở: Xã Hội Nghĩa, H. Tân Uyên, Bình Dương; ĐT: 0650 – 3 640 221 Trồng, chăm sóc và khai thác mủ cao su.
7	NÔNG TRƯỜNG CAO SU NHÀ NAI
	Trụ sở: Xã Tân Thành, H. Phú Giáo, Bình Dương; ĐT: 0650 – 3 682 026

	Trồng, chăm sóc và khai thác mủ cao su.
8	XÍ NGHIỆP CƠ KHÍ CHẾ BIẾN XÂY DỰNG
	Trụ sở: Xã Phước Hòa, H. Phú Giáo, Bình Dương ĐT: 0650 – 3 657 112 Bao gồm 03 nhà máy chế biến mủ cao su:
8.1	NHÀ MÁY CHẾ BIẾN BỐ LÁ
	Trụ sở: Xã Phước Hòa, H. Phú Giáo, Bình Dương Chế biến mủ cao su. Năng suất nhà máy là 6.000 tấn/năm, gồm 1 dây chuyền sơ chế mủ cốm (6.000 tấn/năm)
8.2	NHÀ MÁY CHẾ BIẾN MỦ LY TÂM
	Trụ sở: Xã Phước Hòa, H. Phú Giáo, Bình Dương Chế biến mủ cao su. Năng suất nhà máy là 3.000 tấn/năm
8.3	NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CUA PARIS
	Trụ sở: Xã Chánh Phú Hoà, H. Bến Cát, Bình Dương Chế biến mủ cao su. Năng suất nhà máy là 18.000 tấn/năm, gồm 2 dây chuyền sơ chế mủ cốm (12.000 tấn/năm) và 1 dây chuyền sơ chế mủ tạp (6.000 tấn/năm)

2. Các dự án đầu tư của công ty:

2.1 Dự án trồng cao su tại Campuchia.	
Tên công ty:	Công ty TNHH phát triển cao su Phước Hòa Kampong Thom
Địa chỉ :	huyện Santuk, tỉnh Kampong Thom, Campuchia.
Vốn đầu tư:	1.130 tỷ
Tỷ lệ vốn góp so với VĐT :	100% (50% từ quỹ đầu tư phát triển; 50% vốn vay)
<p>Ngành nghề kinh doanh : Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su.</p> <p>- Tổng diện tích được giao của dự án là 9.184 ha. (trong đó diện tích trồng cao su là 8.000 ha)</p> <p>- Đến 31.12.2011, công ty đã trồng 5.065 ha. Vườn cây sinh trưởng tốt. Kế hoạch đến năm 2013 sẽ hoàn thành công tác trồng 8.000 ha cao su. Tổng vốn đầu tư lũy kế là 458,65 tỷ đồng</p>	
2.2 Dự án công ty chế biến gỗ.	

Tên công ty:	Công ty Cổ phần Cao su Trường Phát
Địa chỉ :	xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.
Vốn điều lệ:	50 tỷ
Tỷ lệ vốn góp so với VDL :	70%

- Tới ngày 31/12/2011, tổng vốn đầu tư lũy kế của Công ty CP Cao su Phước Hoà vào Công ty CP Cao su Trường Phát là 35 tỷ đồng. Năm 2011, Công ty đạt được 13,28 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế. Tỷ lệ cổ tức 10%/Mệnh giá.

2.3 Dự án khu công nghiệp Nam Tân Uyên.

Tên công ty:	Công ty cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên
Địa chỉ :	xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
Vốn điều lệ:	160 tỷ
Tỷ lệ vốn góp so với VDL :	32,85%

- Số vốn góp đến thời điểm 31.12.2011 : 53,032 tỷ đồng

- Ngành nghề kinh doanh : Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp.

- Hiện tại công ty CP KCN Nam Tân Uyên đang trong giai đoạn hoạt động kinh doanh. Năm 2009-2011 tỷ lệ chi trả cổ tức là 22%

- Dự án KCN Nam Tân Uyên mở rộng (GD2) đã triển khai và đi vào hoạt động kinh doanh.

2.4 Dự án BOT đường ĐT 741.

Tên công ty:	Công ty TNHH đầu tư hạ tầng VRG
Địa chỉ :	Xã Phước Hoà, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
Vốn điều lệ:	268,507 tỷ
Tỷ lệ vốn góp so với VDL :	29,04%

- Số vốn góp đến thời điểm 31.12.2011 : 79,965 tỷ đồng

- Ngành nghề kinh doanh: Đầu tư các dự án giao thông và xây dựng theo phương thức BOT và các ngành dịch vụ khác.

- Hiện tại công ty đang trong giai đoạn hoạt động kinh doanh.

2.5 Dự án thủy điện Sông Côn

Tên công ty:	Công ty cổ phần thủy điện GERUCO Sông Côn
Địa chỉ :	Lô 253 KDC Vạn Tường, P. Hòa Khánh Bắc, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.
Vốn điều lệ:	300 tỷ
Tỷ lệ vốn góp so với VDL :	19%

- Số vốn góp đến thời điểm 31.12.2011 : 57 tỷ đồng
- Ngành nghề kinh doanh: Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành sản xuất và kinh doanh điện năng.
- Hiện tại công ty đang trong giai đoạn phát điện thương mại.

2.6 Dự án khu liên hợp đô thị dịch vụ Phước Đông (Tây Ninh) và KCN Đông Nam - Củ Chi

Tên công ty:	Công ty cổ phần đầu tư Sài Gòn VRG
Địa chỉ :	Phòng 608A, 106 Nguyễn Văn Trỗi, P.8, Q.PN, TPHCM
Vốn điều lệ:	600 tỷ
Tỷ lệ vốn góp so với VDL :	20%

- Số vốn góp đến thời điểm 31.12.2011 : 129,985 tỷ đồng
- Hiện tại dự án đang trong giai đoạn triển khai đầu tư cơ sở hạ tầng. Công ty CP đầu tư Sài Gòn VRG đang đầu tư hai dự án: Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ đô thị Phước Đông (Tây Ninh) với tổng diện tích dự án là 3.158 ha, trong đó quỹ đất phát triển khu công nghiệp là 2.190 ha với tổng vốn đầu tư 5.000 tỷ đồng và Khu công nghiệp Đông Nam (Củ Chi) với diện tích dự án là 342 ha, tổng vốn đầu tư là 1.500 tỷ đồng.
- Ngày 22.03.2011, Tập đoàn First Solar - Tập đoàn hàng đầu thế giới về sản xuất các mô đun quang điện và cung cấp các giải pháp về năng lượng mặt trời – đã khởi công xây dựng giai đoạn 1
- Nhà máy sản xuất tấm pin năng lượng mặt trời tại Khu công nghiệp Đông Nam (Củ Chi) với vốn đầu tư 300 triệu USD. Các dự án này được Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam đánh giá sẽ mang lại hiệu quả cao trong thời gian tới.

2.7 Dự án trồng cao su tại tỉnh Sơn La

Tên công ty:	Công ty cổ phần cao su Sơn La
--------------	--------------------------------------

Địa chỉ :	Tỉnh Sơn La.
Vốn điều lệ:	200 tỷ
Tỷ lệ vốn góp so với VDL :	10%
<p>- Số vốn góp đến thời điểm 31.12.2011 : 20 tỷ đồng</p> <p>- Ngành nghề kinh doanh: Trồng cây cao su và sơ chế mủ cao su; dịch vụ hỗ trợ trồng mới, trồng rừng; chăn nuôi gia súc, chế biến gỗ, đại lý mua bán phân bón, xuất nhập khẩu cao su.</p> <p>- Hiện tại công ty đang trong giai đoạn triển khai dự án.</p>	
2.8 Dự án trồng cao su tại Lào	
Tên công ty:	Công ty cổ phần cao su Quasa Geruco Lào
Địa chỉ :	TX Đông Hà, tỉnh Quảng Trị
Vốn điều lệ:	500 tỷ
Tỷ lệ vốn góp so với VDL :	4,86%
<p>- Số vốn góp đến thời điểm 31.12.2011 : 24,3 tỷ đồng</p> <p>- Ngành nghề kinh doanh: Trồng mới và chăm sóc cao su; Tiêu thụ sản phẩm cao su; kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ khách sạn, nhà hàng; kinh doanh bất động sản; chăn nuôi, xuất nhập khẩu cao su.</p> <p>- Tổng quỹ đất tự nhiên của dự án là 12.085 ha, trong đó quỹ đất trồng cây cao su là 8.000 ha và 650 ha rừng nguyên liệu. Hiện tại công ty đang trong giai đoạn triển khai dự án.</p>	
2.9 Dự án thủy điện tại Kontum	
Tên công ty:	Công ty cổ phần thủy điện VRG Ngọc Linh
Địa chỉ :	Thôn 16/5 TT Đăk Glei, huyện Đăk Glei, tỉnh Kontum
Vốn điều lệ:	160 tỷ
Tỷ lệ vốn góp so với VDL :	15%
<p>Hiện tại công ty đang trong giai đoạn triển khai dự án. Lũy kế đến 31.12.2011, công ty CP cao su Phước Hòa đã góp 24,065 tỷ đồng.</p>	

2.10 Dự án khu công nghiệp Tân Bình (Bình Dương)

Địa chỉ :	Xã Tân Bình, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Vốn điều lệ:	100 tỷ
Tỷ lệ vốn góp so với VDL :	60%

- Hiện tại dự án đã được Chính phủ phê duyệt. Quy mô diện tích của dự án là 350 ha, nằm cạnh Khu đô thị đại học Cồng Xanh quy mô 663 ha. Dự án KCN đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư cơ sở hạ tầng. Dự kiến quý 2 năm 2012 sẽ bắt đầu thành lập bộ máy quản lý và triển khai hoạt động.

2.11 Dự án khu dân cư Phước Hòa

Địa chỉ :	Xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
Vốn đầu tư:	70 tỷ
Tỷ lệ vốn góp:	100%

- Số vốn đầu tư lũy kế đến thời điểm 31.12.2011: 71,94 tỷ đồng

- Khu dân cư Phước Hòa bao gồm 2 khu : Khu Đông và Khu Tây. Hiện tại Khu dân cư đã được đầu tư hoàn chỉnh. Công ty đã tiến hành bàn giao nền nhà cho khách hàng.

- Hiện tại công ty đã chuyển nhượng khoảng 72% diện tích toàn Khu dân cư, đã kết chuyển doanh thu gần 33,29 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 12,53 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU PHƯỚC HÒA

Trụ sở : ấp 2A, xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

Điện thoại : 0650.3657.111 – 0650.3657.106 Fax : 0650.3657.110

Website : www.phuruco.vn; www.phuochoa.com.vn

Email : phuochoarubber@hcm.vnn.vn